

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Lan Anh

Giảng viên hướng dẫn: ThS.Hoà Thị Thanh Hương

HẢI PHÒNG - 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU,
CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH - NHÀ MÁY SẢN XUẤT NPK**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Lan Anh

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Hoà Thị Thanh Hương

HẢI PHÒNG - 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Lan Anh

Mã SV: 1212401149

Lớp: QT1602K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình - Nhà máy sản xuất NPK

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

✓ Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp sản xuất kinh doanh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC.

✓ Tìm hiểu thực tế công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại đơn vị thực tập.

✓ Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

✓ Suru tầm, lựa chọn số tài liệu phục vụ công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ năm 2015 tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình - Nhà máy Sản xuất NPK.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình - Nhà máy Sản xuất NPK

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên: Hoà Thị Thanh Hương

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình - Nhà máy sản xuất NPK

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng 4 năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 09 tháng 7 năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn****Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2016*****Hiệu trưởng****GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị***

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

- 1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**
 - ✓ Tích cực sưu tầm lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ đề tài;
 - ✓ Ham học hỏi, thường xuyên trao đổi với giáo viên hướng dẫn;
 - ✓ Luôn hoàn thành đúng tiến độ đã qui định;
 - ✓ Có trách nhiệm cao với công việc được giao, có khả năng nghiên cứu độc lập;
- 2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**
 - ✓ Khóa luận tốt nghiệp bố cục hợp lý, khoa học;
 - ✓ Đã khái quát hoá được lý luận về công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo Thông tư 200/2014/TT-BTC;
 - ✓ Đánh giá được tình hình chung của đơn vị thực tập;
 - ✓ Phản ánh được qui trình kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình - Nhà máy Sản xuất NPK với số liệu logic thể hiện được dòng chảy của số liệu;
 - ✓ Đã đánh giá được ưu nhược điểm cơ bản trong công tác kế toán tại đơn vị thực tập trên cơ sở đó tác giả đã đề xuất được một số biện pháp có tính khả thi, phù hợp với đơn vị, do đó đã giúp đơn vị hoàn thiện công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.
- 3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

.....điểm.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2016

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT	12
1.1. Những vấn đề chung về NVL, CCDC trong doanh nghiệp sản xuất theo thông tư 200/2014/TT-BTC.....	12
1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của NVL, CCDC.....	12
1.1.2. Vị trí, vai trò của NVL, CCDC trong doanh nghiệp sản xuất.	12
1.1.3. Yêu cầu quản lý NVL và CCDC trong doanh nghiệp sản xuất.....	13
1.1.4. Phân loại NVL, CCDC.	13
1.1.5. Tính giá NVL, CCDC.....	15
1.2. Tổ chức kế toán NVL, CCDC trong doanh nghiệp sản xuất theo thông tư 200/2014/TT-BTC.....	17
1.2.1. Tổ chức kế toán chi tiết NVL và CCDC trong doanh nghiệp sản xuất. .	17
1.2.2. Tổ chức kế toán tổng hợp NVL, CCDC trong doanh nghiệp sản xuất theo TT 200/2014/TT-BTC	22
1.3. Tổ chức sổ kế toán NVL, CCDC trong doanh nghiệp sản xuất theo thông tư 200/2014/TT-BTC.....	26
1.3.1. Hình thức sổ nhật ký chung.	26
1.3.2. Hình thức Nhật ký - Sổ cái.....	28
1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	29
1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ.....	31
1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.	33
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NVL VÀ CCDC TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH - NHÀ MÁY SẢN XUẤT NPK.....	35
2.1. Đặc điểm tình hình chung về chi nhánh công ty cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình – Nhà máy sản xuất NPK.	35
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của nhà máy.....	35
2.1.2. Đặc điểm tổ chức quản lý kinh doanh của nhà máy.	36

2.1.3. Đặc điểm công tác kế toán tại nhà máy sản xuất NPK.....	38
2.2. Thực trạng kế toán NVL, CCDC tại chi nhánh công ty cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình – Nhà máy sản xuất NPK.....	41
2.2.1. Đặc điểm công tác quản lý và phân loại NVL, CCDC tại chi nhánh công ty cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình – Nhà máy sản xuất NPK.....	41
2.2.2. Phương pháp tính giá NVL, CCDC tại nhà máy sản xuất NPK.....	43
2.2.3. Kế toán chi tiết NVL và CCDC tại nhà máy sản xuất NPK.....	44
2.2.4. Kế toán tổng hợp NVL và CCDC tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình - Nhà máy sản xuất NPK.	59
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN DỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NVL VÀ CCDC TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH - NHÀ MÁY SẢN XUẤT NPK.	71
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán NVL, CCDC tại công ty cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình - Nhà máy sản xuất NPK.	71
3.1.1. Những ưu điểm và kết quả đạt được.....	71
3.1.2. Những khó khăn tồn tại.....	72
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán tại nhà máy sản xuất NPK.	73
3.2.2. Yêu cầu và nội dung hoàn thiện công tác kế toán NVL, CCDC tại nhà máy sản xuất NPK.....	73
3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán NVL, CCDC tại nhà máy sản xuất NPK.....	73
KẾT LUẬN.	737
TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu 2.1. Hoá đơn GTGT số 000808	35
Biểu 2.2. Biên bản kiểm nghiệm nguyên liệu URE.....	36
Biểu 2.3. Phiếu nhập kho	37
Biểu 2.4. Giấy đề nghị cung ứng phân URE.....	39
Biểu 2.5. Giấy đề nghị cung ứng phân KALI	40
Biểu 2.6. Giấy đề nghị cung ứng SA	41
Biểu 2.7. Phiếu xuất kho	42
Biểu 2.8. Thẻ kho	44
Biểu 2.9. Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hoá).....	46
Biểu 2.10. Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hoá).....	47
Biểu 2.11. Sổ nhật ký chung	49
Biểu 2.12. Sổ cái TK 152	50
Biểu 2.13. Hoá đơn GTGT	51
Biểu 2.14. Phiếu nhập kho	52
Biểu 2.15. Phiếu xuất kho	53
Biểu 2.16. Thẻ kho (sổ kho).....	55
Biểu 2.17. Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hoá).....	56
Biểu 2.18. Bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	57
Biểu 2.19. Sổ nhật ký chung	58
Biểu 2.20. Sổ cái TK 152	59
Biểu 3.1. Sổ danh điểm vật tư.....	64
Biểu 3.2. Sổ giao nhận chứng từ	65

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Trình tự ghi sổ kế toán chi tiết NVL và CCDC theo phương pháp thẻ song song.....	9
Sơ đồ 1.2. Trình tự ghi sổ kế toán chi tiết NVL và CCDC theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.....	10
Sơ đồ 1.3. Trình tự ghi sổ kế toán chi tiết NVL và CCDC theo phương pháp sổ số dư	11
Sơ đồ 1.4. Phương pháp kế toán tổng hợp NVL, CCDC theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	12
Sơ đồ 1.5. Sơ đồ hạch toán tổng hợp NVL, CCDC theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	14
Sơ đồ 1.6. Sơ đồ kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho	15
Sơ đồ 1.7. Trình tự ghi sổ kế toán hàng tồn kho theo hình thức Nhật ký chung	16
Sơ đồ 1.8. Trình tự ghi sổ kế toán hàng tồn kho theo hình thức Nhật ký - Sổ Cái	18
Sơ đồ 1.9. Trình tự ghi sổ kế toán hàng tồn kho theo hình thức Chứng từ ghi sổ	20
Sơ đồ 2.10. Trình tự ghi sổ kế toán hàng tồn kho theo hình thức Nhật ký - Chứng từ.....	22
Sơ đồ 1.11. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính.....	23
Sơ đồ 2.1. Sơ đồ quy trình sản xuất phân bón NPK	26
Sơ đồ 2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại nhà máy.....	27
Sơ đồ 2.3. Sơ đồ bộ máy kế toán của nhà máy sản xuất NPK.....	28
Sơ đồ 2.4. Trình tự ghi sổ kế toán hàng tồn kho tại Nhà máy sản xuất NPK.....	29
Sơ đồ 2.5. Sơ đồ quy trình hạch toán chi tiết NVL, CCDC tại Nhà máy sản xuất NPK.....	43
Sơ đồ 2.6. Trình tự ghi sổ kế toán hàng tồn kho theo hình thức nhật ký chung.	48

LỜI MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh hiện nay, khi nền kinh tế Việt Nam đang từng bước hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới, nhất là khi Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của tổ chức thương mại WTO và Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương TPP đã được ký kết và sẽ có hiệu lực vào năm 2018. Bất kỳ một doanh nghiệp nào để tạo dựng được uy tín và phát triển bền vững đòi hỏi nhà quản lí phải nhận thức được vai trò của những thông tin kinh tế, tài chính.

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là yếu tố quan trọng không thể thiếu trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đặc biệt là doanh nghiệp sản xuất. Vì vậy việc sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là việc hết sức quan trọng. Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp rất đa dạng về chủng loại nên yêu cầu phải có điều kiện bảo quản tốt và thận trọng. Việc bảo quản tốt nguyên vật liệu sẽ là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự thành công của công tác quản lý sản xuất kinh doanh.

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ giúp cho doanh nghiệp theo dõi được chặt chẽ chỉ tiêu số lượng và giá trị nhập, xuất, tồn kho và thông qua đó đề ra những biện pháp giảm chi phí trong giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp, duy trì sự tồn tại, phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đồng thời tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

Được sự giúp đỡ, tạo điều kiện của công ty cùng với sự chỉ bảo tận tình của Thạc sĩ Hòa Thị Thanh Hương. Qua quá trình thực tập em đã mạnh dạn đi sâu nghiên cứu đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình - Nhà máy sản xuất NPK. Khóa luận của em gồm ba phần như sau:

Phần I: Những vấn đề lý luận về kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp sản xuất.

Phần II: Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ tại chi nhánh công ty cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình - Nhà máy sản xuất NPK.

Phần III: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại chi nhánh công ty cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình - Nhà máy sản xuất NPK.

Do thời gian có hạn và ít kinh nghiệm nên bài khóa luận của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng , ngày....tháng...năm 2016.

CHƯƠNG 1:

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1. Những vấn đề chung về NVL, CCDC trong doanh nghiệp sản xuất theo thông tư 200/2014/TT-BTC.

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của NVL, CCDC.

❖ Nguyên vật liệu:

Khái niệm: NVL của doanh nghiệp là những đối tượng lao động mua ngoài hoặc chủ yếu tự chế biến trong quá trình chế biến sản phẩm. Thông thường giá trị NVL chiếm tỉ lệ cao trong giá thành sản phẩm. Do đó, việc quản lý và sử dụng NVL có hiệu quả góp phần hạ giá thành và nâng cao hiệu quả của quá trình sản xuất kinh doanh (SXKD) trong doanh nghiệp (DN).

Đặc điểm: Trong quá trình tham gia vào hoạt động SXKD, NVL chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất và biến đổi hình thái vật chất ban đầu để cấu thành nên thực tế của sản phẩm mới. NVL khi tham gia vào quá trình sản xuất, giá trị của NVL sẽ được chuyển dịch hết một lần vào chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.

❖ Công cụ dụng cụ:

Khái niệm: CCDC là những tư liệu lao động không có đủ những tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng quy định đối với tài sản cố định (TSCĐ).

Đặc điểm: CCDC tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất, nhưng vẫn giữ nguyên được hình thái vật chất ban đầu. Trong quá trình tham gia vào sản xuất, giá trị CCDC có những đặc điểm giống NVL về chủng loại rất nhiều. CCDC sử dụng thường xuyên trong quá trình sản xuất, giá trị CCDC bị hao mòn dần và được dịch chuyển một lần vào giá trị của sản phẩm mới và chuyển từng phần vào chi phí SXKD trong kỳ.

1.1.2. Vị trí, vai trò của NVL, CCDC trong doanh nghiệp sản xuất.

Trong doanh nghiệp sản xuất, chi phí về vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn từ 75%- 85% trong tổng giá trị sản phẩm. Do vậy việc cung cấp NVL, CCDC kịp thời hay không có ảnh hưởng to lớn đến việc thực hiện kế hoạch sản xuất của doanh nghiệp, việc cung cấp NVL, CCDC còn cần quan tâm đến chất lượng. Chất lượng của sản phẩm phụ thuộc trực tiếp vào chất lượng của vật liệu mà chất lượng sản phẩm là một điều kiện tiên quyết để doanh nghiệp tồn tại và giữ uy tín trên thị trường. Trong cơ chế thị trường hiện nay, việc cung cấp vật liệu

còn cần đảm bảo giá cả hợp lý tạo điều kiện cho doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả.

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ có vị trí, vai trò hết sức quan trọng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, nếu thiếu NVL và CCDC thì không thể tiến hành được các hoạt động sản xuất vật chất nói chung và quá trình sản xuất nói riêng.

1.1.3. Yêu cầu quản lý NVL và CCDC trong doanh nghiệp sản xuất.

Xuất phát từ vị trí, đặc điểm trong quá trình SXKD, sản phẩm của quá trình sản xuất là những mặt hàng thường được sử dụng trong đời sống sinh hoạt và hoạt động sản xuất của con người. Quản lý NVL và CCDC là yếu tố khách quan của mọi nền sản xuất xã hội. Để làm tốt công tác hạch toán NVL và CCDC trên đòi hỏi chúng ta phải quản lý chặt chẽ ở mọi khâu từ thu mua, bảo quản tới khâu trữ và sử dụng.

-Trong khâu thu mua NVL, CCDC: Doanh nghiệp phải thường xuyên phân tích tình hình thu mua NVL và CCDC, tìm hiểu nguồn cung cấp để lựa chọn nguồn mua, bảo đảm số lượng, chủng loại, quy cách với giá cả, chi phí mua là thấp nhất.

-Trong khâu bảo quản: Phải đảm bảo tổ chức kho hàng, bên bãi thực hiện đúng chế độ bảo quản đối với từng loại NVL và CCDC tránh hư hỏng, mất mát, hao hụt, đảm bảo an toàn cũng là một trong các yêu cầu quản lý vật liệu, CCDC.

-Trong khâu dự trữ: Đòi hỏi doanh nghiệp phải xác định được mức dự trữ tối đa, tối thiểu để đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh được bình thường, không bị ngưng trệ, gián đoạn do việc cung ứng vật tư không kịp thời hoặc gây ứ đọng vốn quá nhiều.

-Trong khâu sử dụng: Sử dụng hợp lý, tiết kiệm trên cơ sở định mức tiêu hao và dự toán chi phí có ý nghĩa quan trọng trong việc hạ thấp chi phí sản xuất

Tóm lại, quản lý NVL và CCDC từ khâu thu mua, bảo quản, dự trữ, sử dụng là một trong những nội dung quan trọng của công tác quản lý doanh nghiệp luôn được các nhà quản lý quan tâm và đó là cơ sở để các cấp lãnh đạo đưa ra quyết định đúng đắn.

1.1.4. Phân loại NVL, CCDC.

1.1.4.1. Phân loại NVL.

a) Căn cứ vào công dụng kinh tế và vai trò của từng loại NVL trong quá trình SXKD, có thể chia NVL thành:

- Nguyên vật liệu chính: là những loại nguyên liệu, vật liệu tham gia vào quá trình sản xuất để cấu tạo nên thực thể bản thân của sản phẩm.
- Nguyên vật liệu phụ: là loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất không cấu thành nên thực thể sản phẩm, mà chỉ kết hợp với nguyên vật liệu chính để làm tăng chất lượng sản phẩm hoặc phục vụ cho công tác quản lý, tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm được thực hiện bình thường.
- Nhiên liệu: là những loại vật liệu có tác dụng cung cấp nhiệt lượng cho quá trình sản xuất. Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể khí, lỏng, rắn như: xăng, dầu, than củi, hơi đốt dùng để phục vụ cho công nghệ sản xuất sản phẩm cho các phương tiện máy móc, thiết bị hoạt động.
- Phụ tùng thay thế: là loại vật liệu được sử dụng cho việc thay thế, sửa chữa các loại tài sản cố định, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải...
- Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản: bao gồm các loại và thiết bị được sử dụng cho công việc xây dựng cơ bản. Đối với thiết bị xây dựng cơ bản bao gồm cả thiết bị cần lắp, không cần lắp, công cụ, khí cụ và kết cấu dùng để lắp đặt vào công trình cơ bản.
- Vật liệu khác: là các loại vật liệu chưa được xếp vào các loại vật liệu trên. Các loại vật liệu này do quá trình sản xuất loại ra như các loại phế liệu, vật liệu thu hồi do thanh lý...

b) Căn cứ vào nguồn cung cấp, vật liệu được chia thành:

- + Nguyên vật liệu mua ngoài: là nguyên vật liệu mà doanh nghiệp mua bên ngoài từ các nhà cung cấp.
- + Vật liệu tự chế biến: là vật liệu do doanh nghiệp sản xuất ra và sử dụng như nguyên liệu để sản xuất sản phẩm.
- + Vật liệu thuê ngoài gia công: là loại vật liệu thuê các cơ sở gia công làm nên.
- + Nguyên vật liệu nhận góp vốn liên doanh: là nguyên vật liệu do các bên liên doanh góp vốn theo thỏa thuận trên hợp đồng liên doanh.
- + Nguyên vật liệu được cấp: là nguyên vật liệu do đơn vị cấp trên cấp theo quy định...

c) Căn cứ vào mục đích sử dụng NVL hay nội dung quy định phản ánh chi phí NVL trên các tài khoản kế toán, vật liệu được chia thành:

- Nguyên vật liệu trực tiếp dùng cho sản xuất sản phẩm.
- Nguyên vật liệu dùng cho phục vụ, quản lý phân xưởng, quản lý doanh nghiệp và các nhu cầu khác.

1.1.4.2. Phân loại CCDC.

Công cụ dụng cụ có nhiều loại, nhiều thứ, có loại nằm trong kho. Việc phân loại tùy thuộc vào yêu cầu quản lý từng đơn vị, có thể chia làm 3 loại sau:

- Công cụ dụng cụ; Bao bì luân chuyển; Đồ dùng cho thuê.

Nhưng trong một số trường hợp có những tư liệu lao động không phụ thuộc vào giá trị và thời gian sử dụng vẫn được hạch toán như CCDC.

- Các loại bao bì kèm theo hàng hóa để bảo quản hàng hóa vận chuyển trên đường và vận chuyển vào kho.
- Quần áo, giày dép chuyên dùng để làm việc (bảo hộ lao động).

1.1.5. Tính giá NVL, CCDC.

Tính giá NVL, CCDC là việc xác định giá trị của chúng theo các phương pháp nhất định. Về nguyên tắc, các loại NVL, CCDC thuộc hàng tồn kho của doanh nghiệp và khi tính giá chúng thì cũng phải tuân thủ nguyên tắc tính giá hàng tồn kho. Tính giá vật tư có ý nghĩa quan trọng trong việc hạch toán đúng đắn tình hình tài sản cũng như chi phí sản xuất kinh doanh. Tính giá NVL, CCDC là dùng thước đo tiền tệ để biểu hiện giá trị của vật liệu thực tế, tức là toàn bộ số tiền mà doanh nghiệp bỏ ra để có được số vật tư hàng hóa đó.

1.1.5.1. Tính giá thực tế NVL và CCDC nhập kho.

a) Xác định trị giá thực tế của NVL, CCDC nhập kho: Được xác định theo từng nguồn nhập.

❖ **Nhập do mua ngoài:**

$$\begin{array}{r} \text{Giá thực tế} \\ \text{NVL,} \\ \text{CCDC nhập} \\ \text{kho} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá mua} \\ \text{trên hóa} \\ \text{đơn} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{mua} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Thuế} \\ \text{nhập khẩu} \\ \text{(nếu có)} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Các khoản} \\ \text{giảm trừ} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

Trong đó:

+ Giá mua là giá không có thuế GTGT nếu NVL và CCDC mua về dùng để sản xuất các mặt hàng chịu thuế GTGT và DN nộp thuế theo phương pháp khấu trừ. Giá mua là giá có thuế GTGT và nếu NVL và CCDC mua về sử dụng vào việc sản xuất các mặt hàng không chịu thuế GTGT hoặc với DN nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

+ Chi phí thu mua thực tế gồm: chi phí vận chuyển bốc dỡ, bảo quản, phân loại, bảo hiểm NVL từ nơi mua đến kho của DN, công tác phí của nhân viên thu mua, chi phí cho bộ phận thu mua độc lập hao hụt tự nhiên trong định mức.

❖ **Nhập kho do doanh nghiệp tự gia công, chế biến:**

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế NVL,} \\ \text{CCDC nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thực tế NVL, CCDC xuất} \\ \text{gia công chế biến} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí gia công} \\ \text{chế biến} \end{array}$$

Trong đó: Tiền thuê gia công chế biến, tiền vận chuyển (nếu có) sẽ bao gồm cả thuế GTGT nếu NVL, CCDC được dùng để sản xuất mặt hàng không chịu thuế GTGT hoặc DN nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, sẽ không bao gồm DN nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

❖ **Nhập kho do đơn vị khác góp vốn liên doanh:**

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế NVL,} \\ \text{CCDC nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Trị giá vốn góp do hội} \\ \text{đồng liên doanh xác định} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí vận chuyển} \\ \text{bốc dỡ (nếu có)} \end{array}$$

Giá thực tế NVL, CCDC nhập kho được tính theo giá thị trường hoặc theo ghi trên biên bản ghi nhận NVL, CCDC biểu tặng các chi phí phát sinh.

❖ **Nhập kho đối với NVL, CCDC là phế liệu thu hồi:**

Giá thực tế NVL, CCDC nhập kho là giá ước tính trên thị trường.

1.1.5.2. *Tính giá NVL và CCDC xuất kho.*

NVL và CCDC được thu mua và nhập kho thường xuyên từ nhiều nguồn khác nhau, do đó giá thực tế của từng lần, đợt nhập không hoàn toàn giống nhau. Khi xuất kho, kế toán phải tính toán, xác định được giá thực tế xuất kho cho từng nhu cầu, đối tượng sử dụng khác nhau. Việc tính giá thực tế của vật liệu xuất kho có thể được thực hiện theo một phương pháp sau:

❖ **Phương pháp tính theo giá thực tế đích danh.**

Theo phương pháp này, giá thực tế của NVL, CCDC xuất kho được tính căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô nào và đơn giá thực tế của lô đó để tính giá thực tế của NVL, CCDC xuất kho.

Phương pháp này được áp dụng cho những DN có chủng loại vật tư ít và nhận diện được kho hàng.

❖ **Phương pháp tính theo đơn giá bình quân gia quyền.**

Trị giá thực tế của NVL, CCDC xuất kho được tính căn cứ vào số lượng NVL, CCDC xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế NVL,} \\ \text{CCDC xuất kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng thực tế} \\ \text{NVL, CCDC xuất kho} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá bình quân} \\ \text{gia quyền} \end{array}$$

Trong đó: Đơn giá bình quân gia quyền có thể tính theo cách sau:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình} \\ \text{quân cả kỳ dự trữ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế nhập trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Lượng thực tế tồn đầu kỳ} + \text{Lượng thực tế nhập trong kỳ} \end{array}}$$

❖ Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO):

Theo phương pháp này thì phải xác định được giá thực tế nhập kho của từng lần nhập, sau đó căn cứ vào số lượng xuất tính ra giá trị thực tế xuất kho theo nguyên tắc: tính theo nguyên giá thực tế nhập trước đối với lượng xuất kho thuộc lần nhập trước, số còn lại (tổng số xuất kho trừ đi số xuất thuộc lần nhập trước) được tính theo đơn giá thực tế các lần nhập sau. Như vậy, giá thực tế của NVL tồn cuối kì chính là giá thực tế của vật liệu nhập kho thuộc các kho sau cùng.

❖ Cách tính phân bổ CCDC và hạch toán khi xuất kho phục vụ cho hoạt động SXKD:

- Nếu giá trị CCDC nhỏ, tính vào chi phí SXKD một lần:

Nợ các TK 623, 627, 641,

Có TK 153 - Công cụ dụng cụ

- Nếu giá trị CCDC lớn thì phải phân bổ dần vào chi phí SXKD, ghi:

+ Khi xuất kho CCDC, ghi:

Nợ TK 242: CCDC có giá trị lớn và có thời gian sử dụng dưới hoặc trên một năm.

Có TK 153 - Công cụ dụng cụ

+ Khi phân bổ giá trị CCDC xuất dùng cho từng kỳ kế toán, ghi:

Nợ TK 623, 627, 641, 642, ...

Có TK 242: CCDC có giá trị lớn và có thời gian sử dụng dưới hoặc trên một năm.

CÁCH TÍNH GIÁ TRỊ TỪNG LẦN PHÂN BỐ VÀO CHI PHÍ KHI XUẤT DÙNG:

$$\text{Phân bổ CCDC ở tháng đầu sử dụng} = \frac{\text{Tổng giá trị của CCDC}}{\text{Tổng số tháng phân bổ CCDC}}$$

1.2. Tổ chức kế toán NVL, CCDC trong doanh nghiệp sản xuất theo thông tư 200/2014/TT-BTC.

1.2.1. Tổ chức kế toán chi tiết NVL và CCDC trong doanh nghiệp sản xuất.

1.2.1.1. Nhiệm vụ của kế toán NVL, CCDC trong doanh nghiệp sản xuất.

Kế toán là nghệ thuật thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin về toàn bộ tài sản và sự vận động của tài sản (hay là toàn bộ thông tin về tài sản và các hoạt động kinh tế tài chính) trong doanh nghiệp nhằm cung cấp những thông tin về kinh tế tài chính thực sự hữu dụng cho doanh nghiệp. Gồm những công việc sau:

+ Ghi chép, phản ánh đầy đủ kịp thời số hiện có và tình hình luân chuyển vật liệu và công cụ dụng cụ cả về giá và hiện vật. Tính toán đúng đắn trị giá vốn (hoặc giá thành) thực tế của NVL, CCDC nhập, xuất kho nhằm cung cấp thông tin kịp thời, chính xác phục vụ cho yêu cầu lập báo cáo tài chính và quản lý doanh nghiệp.

+ Kiểm tra tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, phương pháp kỹ thuật về hạch toán NVL và CCDC. Đồng thời, hướng dẫn các bộ phận, các đơn vị trong doanh nghiệp thực hiện đầy đủ các chế độ hạch toán ban đầu về NVL và CCDC.

+ Kiểm tra việc chấp hành chế độ bảo quản, dự trữ và sử dụng NVL, CCDC. Từ đó phát hiện, ngăn ngừa và đề xuất những biện pháp xử lý NVL thừa, thiếu, ứ đọng....

+ Tổ chức kế toán phù hợp với phương pháp kế toán hàng tồn kho, cung cấp thông tin cho việc lập báo cáo tài chính và phân tích hoạt động kinh doanh.

+ Tổ chức ghi chép, phản ánh tổng hợp số liệu về tình hình thu mua, vận chuyển bảo quản, đánh giá phân loại tình hình nhập xuất NVL và CCDC.

1.2.1.2. Chứng từ, tài khoản và sổ kế toán chi tiết.

a) Chứng từ sử dụng.

Kế toán tình hình nhập xuất vật tư liên quan đến nhiều loại chứng từ kế toán khác nhau. Bao gồm những chứng từ được vận dụng linh hoạt phù hợp với đặc điểm kinh doanh và nhu cầu quản lý của từng doanh nghiệp. Tuy nhiên, dù loại chứng từ gì thì cũng phải đảm bảo có đầy đủ các yếu tố cơ bản, tuân thủ chặt chẽ trình tự lập, phê duyệt và luân chuyển chứng từ để phục vụ cho yêu cầu quản lý ở các bộ phận có liên quan và yêu cầu ghi sổ, kiểm tra của kế toán.

- Phiếu nhập kho (Mẫu số 01 - VT); Phiếu xuất kho (Mẫu số 02 - VT)
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm (Mẫu số 03 - VT)
- Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ (Mẫu số 04 - VT)
- Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm (Mẫu số 05 - VT)
- Bảng kê mua hàng (Mẫu số 06 - VT)
- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 - VT)

b) Tài khoản sử dụng.

❖ TK 151: Hàng mua đang đi đường

Tài khoản này phản ánh giá trị các loại vật tư hàng hóa mà doanh nghiệp đã mua, đã chấp nhận thanh toán với người bán nhưng chưa về nhập kho doanh nghiệp, còn đang đi trên đường và tình hình đang đi đường về nhập kho của doanh nghiệp.

❖ *TK 152: Nguyên liệu, vật liệu*

Tài khoản này phản ánh giá trị hiện có và tình hình tăng giảm NVL trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Kết cấu: TK 152 có số dư Nợ cuối kỳ.

• **Bên Nợ ghi:**

+ Trị giá vốn thực tế NVL nhập kho trong kỳ (do mua ngoài tự chế, thuê ngoài gia công, nhận góp vốn liên doanh).

+ Trị giá NVL phát hiện thừa khi kiểm kê.

+ Số tiền điều chỉnh tăng giá NVL khi đánh giá lại.

• **Bên Có ghi:**

+ Trị giá vốn thực tế NVL xuất trong kỳ.

+ Trị giá NVL trả lại người bán hoặc được giảm giá hàng mua.

+ Số tiền giảm giá, chiết khấu thương mại hàng mua.

+ Số tiền điều chỉnh giảm giá NVL khi đánh giá lại.

+ Trị giá NVL thiếu phát hiện khi kiểm kê.

• **Số dư bên Nợ:** Trị giá thực tế NVL tồn kho.

❖ *TK 153: Công cụ, dụng cụ*

Tài khoản này phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động của CCDC trong kỳ theo giá gốc.

Kết cấu: TK 153 có số dư Nợ cuối kỳ như TK 152.

❖ **Bên Nợ ghi:**

+ Trị giá thực tế của CCDC cho thuê nhập lại kho.

+ Trị giá thực tế của CCDC nhập kho do mua ngoài, tự chế

+ Trị giá CCDC phát hiện thiếu khi kiểm kê.

❖ **Bên Có ghi:**

+ Trị giá thực tế CCDC xuất kho cho sản xuất, cho thuê...

+ Chiết khấu thương mại khi mua CCDC được hưởng.

+ Trị giá CCDC phát hiện thiếu khi kiểm kê.

+ Trị giá CCDC trả lại cho người bán hoặc được người bán giảm giá.

❖ **Số dư Nợ:** Trị giá thực tế của CCDC tồn kho.

❖ Các tài khoản khác có liên quan: TK 111, TK 112, TK 331, TK 133, TK 141, TK 621, TK 622, TK627, TK 641, TK642,

c) **Sổ kế toán chi tiết.**

❖ Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa (Mẫu sổ S10 - DN)

- ❖ Bảng tổng hợp tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa (Mẫu số S11 - DN)
- ❖ Thẻ kho (Số kho) (Mẫu số S12 - DN)
- ❖ Bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn vật liệu, công cụ, sản phẩm, hàng hóa.
- ❖ Bảng kê nhập, xuất; Bảng lũy kế tổng hợp nhập xuất tồn kho vật liệu

1.2.1.3. Phương pháp hạch toán chi tiết NVL, CCDC.

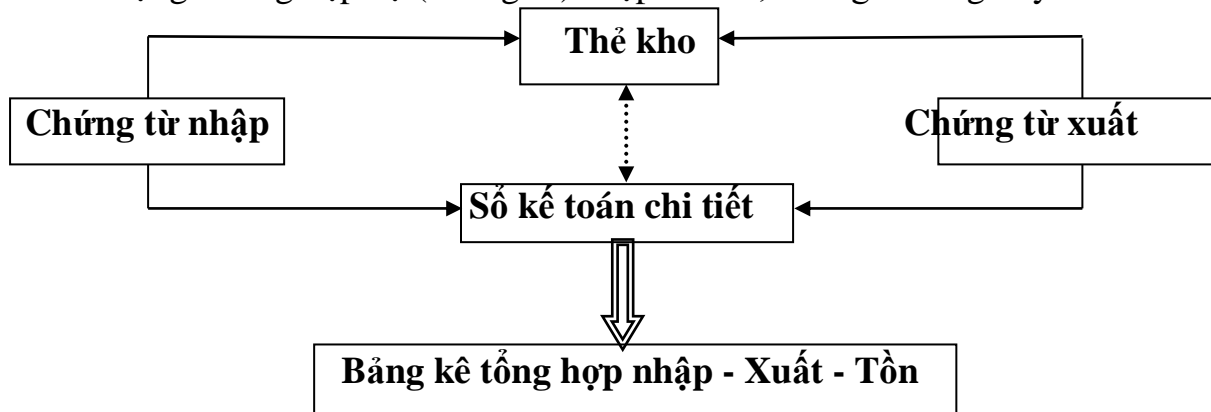
Để tiến hành hạch toán chi tiết NVL, CCDC; tùy theo điều kiện cụ thể của mỗi doanh nghiệp mà áp dụng một trong các phương pháp sau:

a) Phương pháp thẻ song song.

Ở kho: Thủ kho dùng thẻ kho để phản ánh tình hình nhập, xuất, tồn vật liệu, CCDC về mặt số lượng. Thẻ kho do phòng kế toán mở và được mở cho từng thứ vật tư hàng hóa.

Ở phòng kế toán: Kế toán sử dụng sổ (thẻ) kế toán chi tiết vật liệu, CCDC để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho theo các chỉ tiêu hiện vật và giá trị. Cuối tháng kế toán cộng sổ chi tiết vật liệu, CCDC và kiểm tra đối chiếu với thẻ kho. Ngoài ra để có số liệu đối chiếu, kiểm tra với kế toán tổng hợp số liệu trên sổ chi tiết vào Bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn kho vật liệu, CCDC theo từng nhóm, loại vật liệu, CCDC.

Phạm vi áp dụng: thích hợp với các doanh nghiệp ít chủng loại NVL và CCDC; khối lượng các nghiệp vụ (chứng từ) nhập xuất ít, không thường xuyên.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ←.....→

Kiểm tra, đối chiếu ⇔

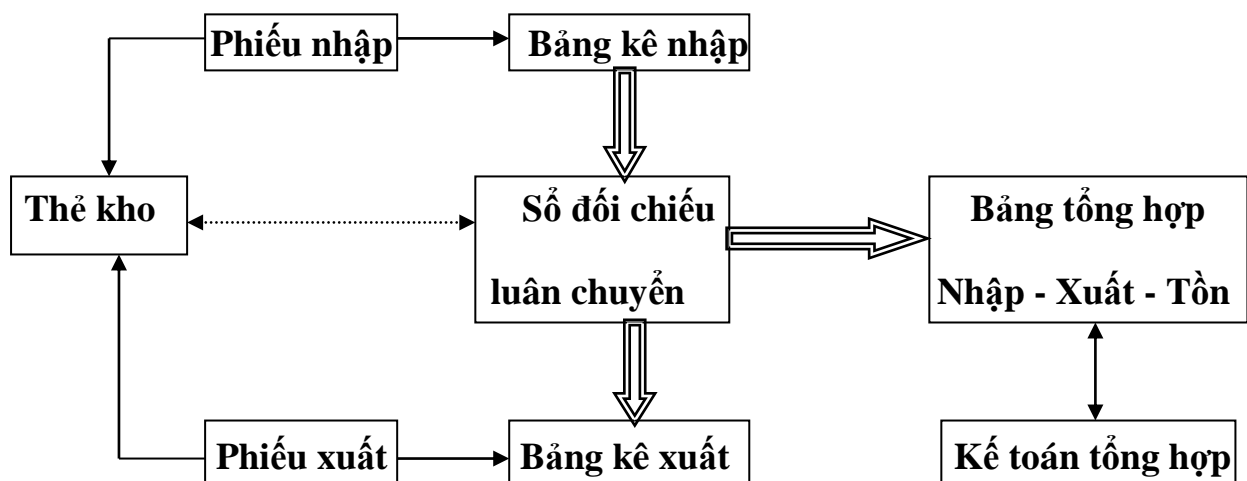
Sơ đồ 1.1: Trình tự ghi sổ kế toán chi tiết NVL và CCDC theo phương pháp thẻ song song.

b) Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.

Ở kho: Việc ghi chép ở kho của thủ kho cũng được thực hiện trên thẻ kho giống như phương pháp thẻ song song.

Ở phòng kế toán: Kế toán mở sổ đối chiếu luân chuyển để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng thứ vật liệu, CCDC ở từng kho dùng cả năm nhưng mỗi tháng chỉ ghi một lần vào cuối tháng. Để có số liệu ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển, kế toán phải lập bảng kê nhập, bảng kê xuất trên cơ sở các chứng từ nhập, xuất định kỳ thủ kho gửi lên. Sổ đối chiếu luân chuyển cũng được theo dõi, cuối kỳ kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho và số liệu kế toán tổng hợp.

Phạm vi áp dụng: Áp dụng cho các doanh nghiệp sản xuất không nhiều nghiệp vụ nhập – xuất, không bố trí riêng nhân viên kế toán vật tư, do vậy không có điều kiện ghi chép theo dõi tình hình nhập xuất hàng ngày.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng $\longleftarrow \cdots \cdots \longrightarrow$

Kiểm tra, đối chiếu \Longrightarrow

Sơ đồ 1.2: Trình tự ghi sổ kế toán chi tiết NVL và CCDC theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.

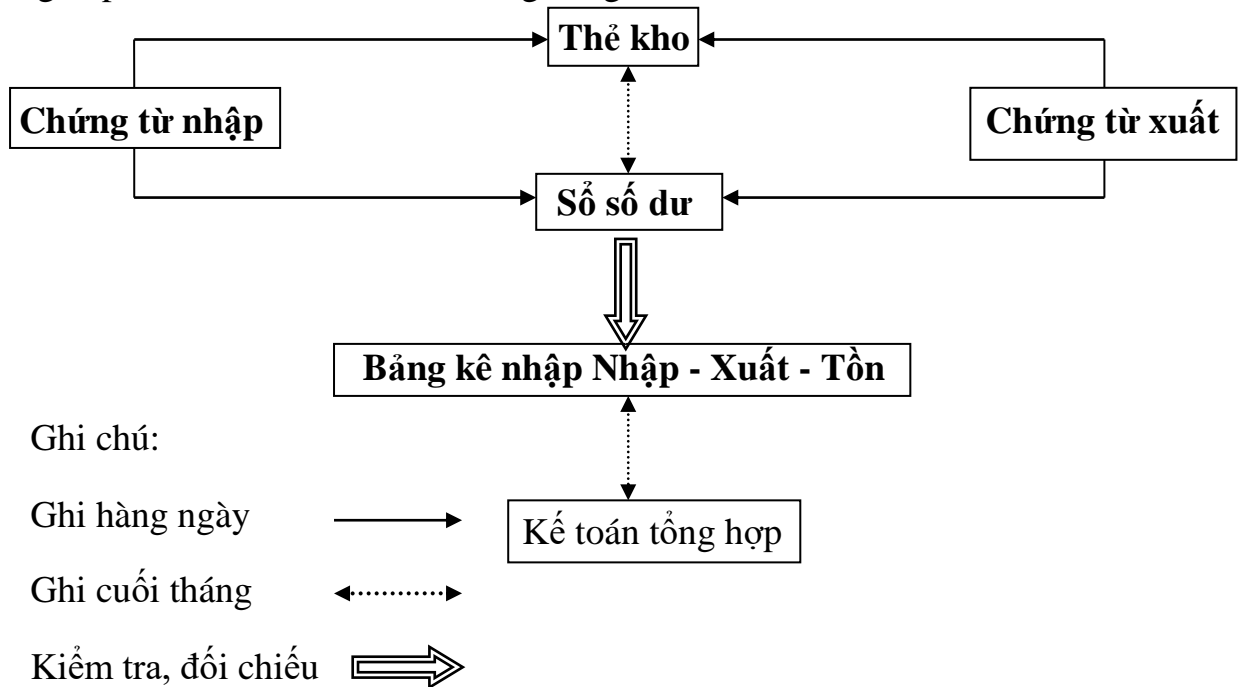
c) Phương pháp sổ số dư.

Theo phương pháp này, thủ kho chỉ ghi chép phần số lượng còn kế toán chỉ ghi chép phần giá trị.

Ở kho: Thủ kho vẫn mở thẻ kho và ghi chép như phương pháp thẻ song song. Cuối tháng thủ kho phải ghi chuyển số tồn kho vào sổ số dư ở cột số lượng.

Ở phòng kế toán: Kế toán sử dụng bảng lũy kế nhập, lũy kế xuất để ghi chép định kỳ hoặc hàng ngày theo chỉ tiêu giá trị. Cuối tháng lập bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn. Khi nhập được số số dư do thủ kho gửi đến kế toán phải tính và ghi vào cột số tiền trên sổ số dư. Cuối tháng kế toán đối chiếu giữa sổ số dư và bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn.

Phạm vi áp dụng: DN có nhiều chủng loại vật tư, hàng hóa; việc nhập - xuất diễn ra thường xuyên. DN đã xây dựng được hệ thống giá hạch toán và xây dựng được hệ thống danh điểm vật tư hàng hóa hợp lý. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ kế toán vững vàng.



Sơ đồ 1.3: Trình tự ghi sổ kế toán chi tiết NVL và CCDC theo phương pháp sổ số dư

Như vậy, mọi phương pháp đều có ưu, nhược điểm riêng. Do vậy cần có sự nghiên cứu, lựa chọn phương pháp thích hợp với điều kiện cụ thể của doanh nghiệp. Do đó cần thiết phải nắm vững nội dung, ưu nhược điểm và điều kiện áp dụng của mỗi phương pháp đó.

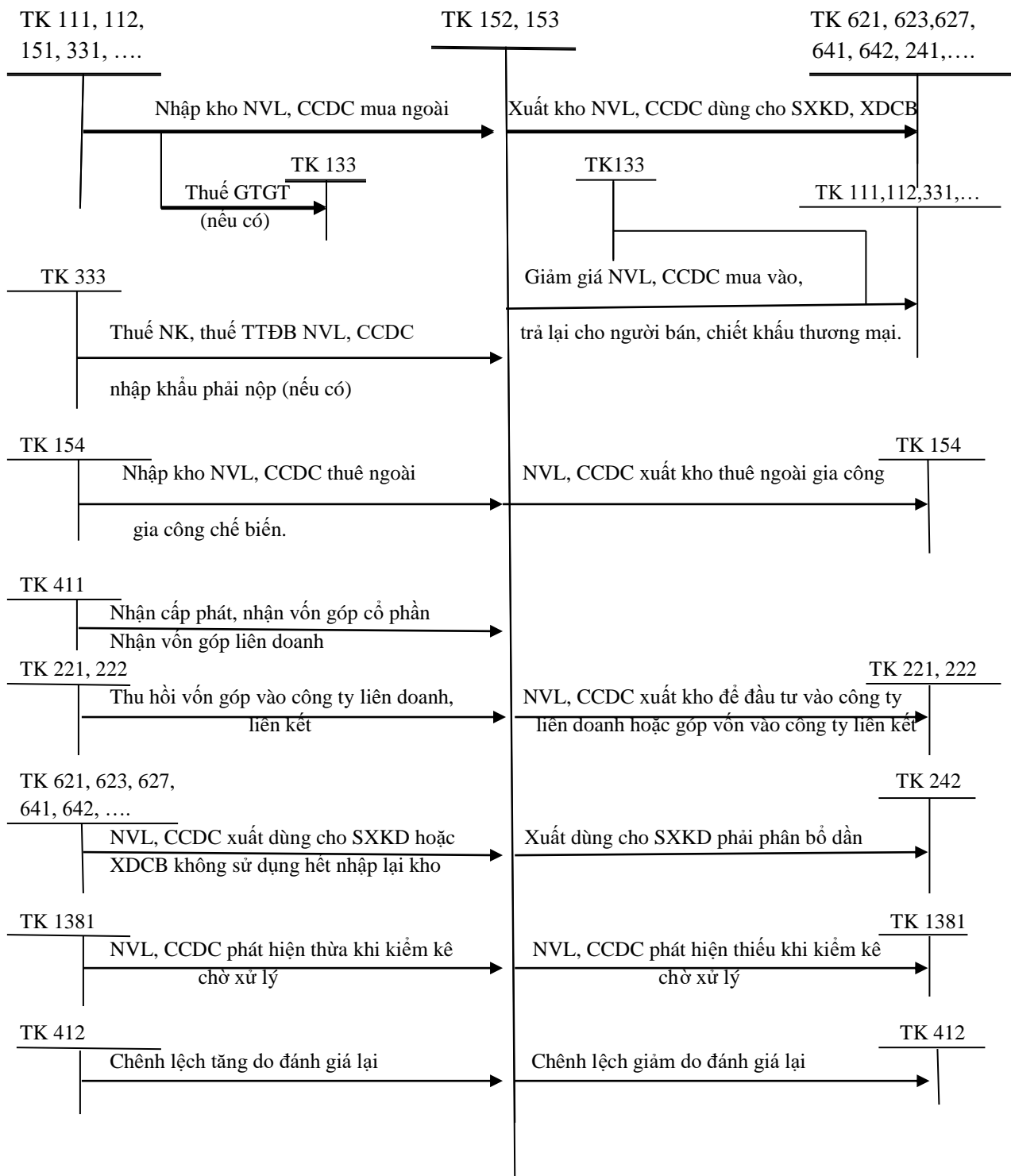
1.2.2. Tổ chức kế toán tổng hợp NVL, CCDC trong doanh nghiệp sản xuất theo TT 200/2014/TT-BTC .

Tùy thuộc vào đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp, vào yêu cầu quản lý, vào trình độ nghiệp vụ kế toán viên cũng như quy định của chế độ hiện hành, kế toán viên có thể áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên hoặc kiểm kê định kỳ.

1.2.2.1. *Kế toán tổng hợp NVL, CCDC theo phương pháp kê khai thường xuyên.*

Phương pháp kê khai thường xuyên (KKTX) là phương pháp theo dõi và phản ánh thường xuyên, liên tục, có hệ thống tình hình nhập, xuất, tồn vật tư, hàng hóa trên sổ kế toán.

Kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.



Sơ đồ 1.4: Phương pháp kế toán tổng hợp NVL, CCDC theo phương pháp kê khai thường xuyên.

1.2.2.1. Kế toán tổng hợp NVL, CCDC theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp kiểm kê định kỳ (KKĐK) là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị tồn kho cuối kỳ vật tư, hàng hóa trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính giá trị của hàng hóa, vật tư đã xuất kho trong kỳ.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá hàng} & & \text{Trị giá hàng} & & \text{Tổng trị giá} & & \text{Trị giá hàng} \\ \text{xuất kho trong} & = & \text{tồn kho đầu} & + & \text{hàng nhập kho} & + & \text{tồn kho cuối} \\ \text{kỳ} & & \text{kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{kỳ} \end{array}$$

❖ Tài khoản sử dụng: Tài khoản 611: Mua hàng

Tài khoản này dùng để phản ánh giá thực tế của số vật liệu mua vào, sản xuất trong kỳ. Kết cấu TK 611:

+ Bên Nợ:

Kết chuyển giá gốc hàng hóa, NVL, CCDC tồn kho đầu kỳ (theo kết quả kiểm kê);

Giá gốc hàng hóa, NVL, CCDC, mua vào trong kỳ, hàng hóa đã bán bị trả lại.

+ Bên Có:

Kết chuyển giá gốc hàng hóa, NVL, CCDC tồn kho đầu kỳ (theo kết quả kiểm kê);

Giá gốc hàng hóa NVL, CCDC mua vào trả lại cho người bán, hoặc được giảm giá.

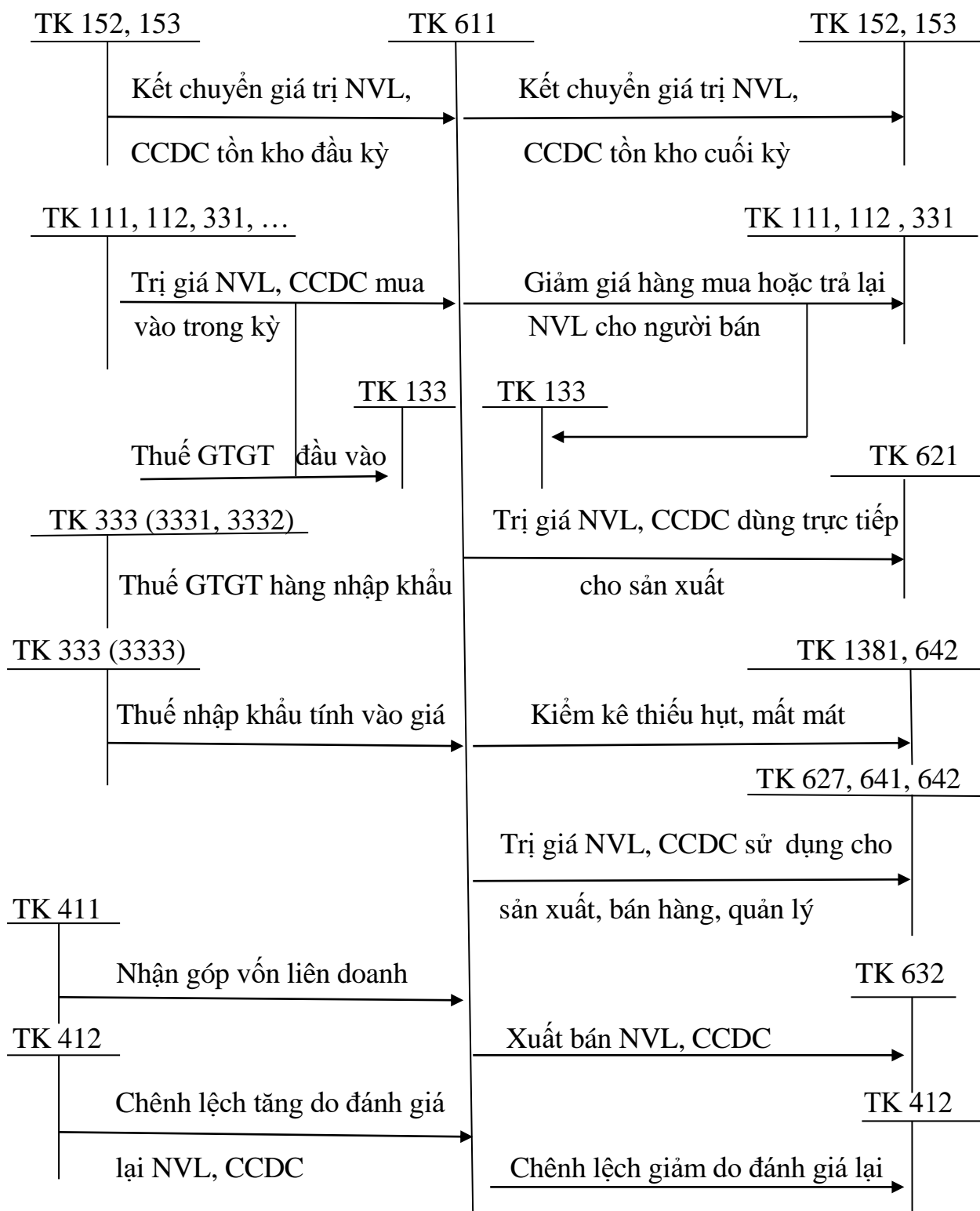
+ Giá gốc hàng hóa NVL, CCDC xuất sử dụng trong kỳ, hoặc giá gốc hàng hóa xuất bán (chưa xác định là đã bán trong kỳ).

• Tài khoản 611 cuối kỳ không có số dư, chi tiết thành 2 tài khoản cấp 2:

+ TK 6111: Mua NVL

+ TK 6112: Mua hàng hoá

Kế toán Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán tổng hợp NVL, CCDC theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

1.2.2.2. *Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho (HTK).*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: là khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Tài khoản 2294.

- **Nguyên tắc kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**
- ❖ DN trích lập dự phòng giảm giá HTK phải lập khi có bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của HTK
- ❖ **Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 2294 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Tài khoản này phản ánh tình hình trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK.

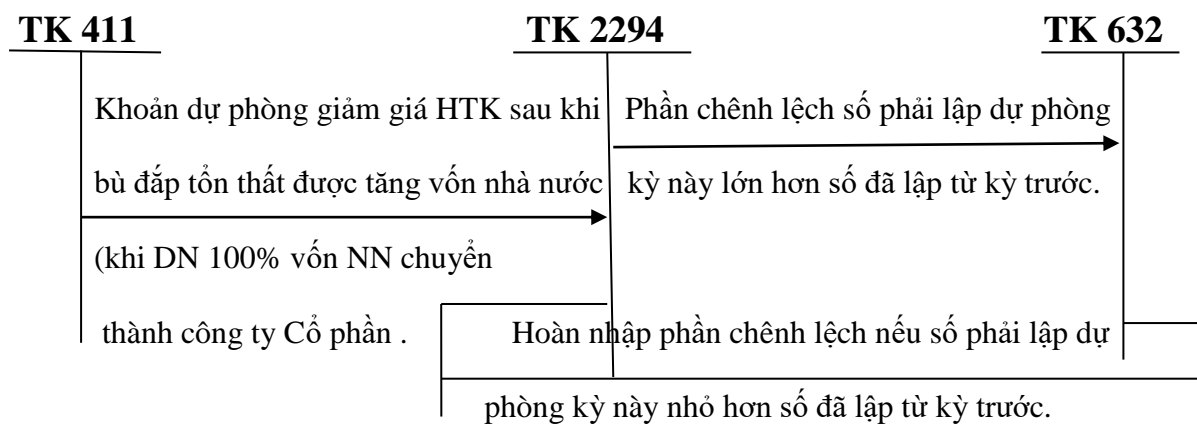
Bên Nợ:

- Hoàn nhập chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết.
- Bù đắp giá trị khoản đầu tư vào đơn vị khác khi có quyết định dùng số dự phòng đã lập để bù đắp số tổn thất xảy ra

Bên Có: Trích lập các khoản dự phòng tổn thất tài sản tại thời điểm lập BCTC

Số dư bên Có: Số dự phòng tổn thất tài sản hiện có cuối kỳ.

❖ **Phương pháp kế toán dự phòng giảm giá HTK**



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

1.3. Tổ chức sổ kế toán NVL, CCDC trong doanh nghiệp sản xuất theo thông tư 200/2014/TT-BTC.

1.3.1. Hình thức sổ nhật ký chung.

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung

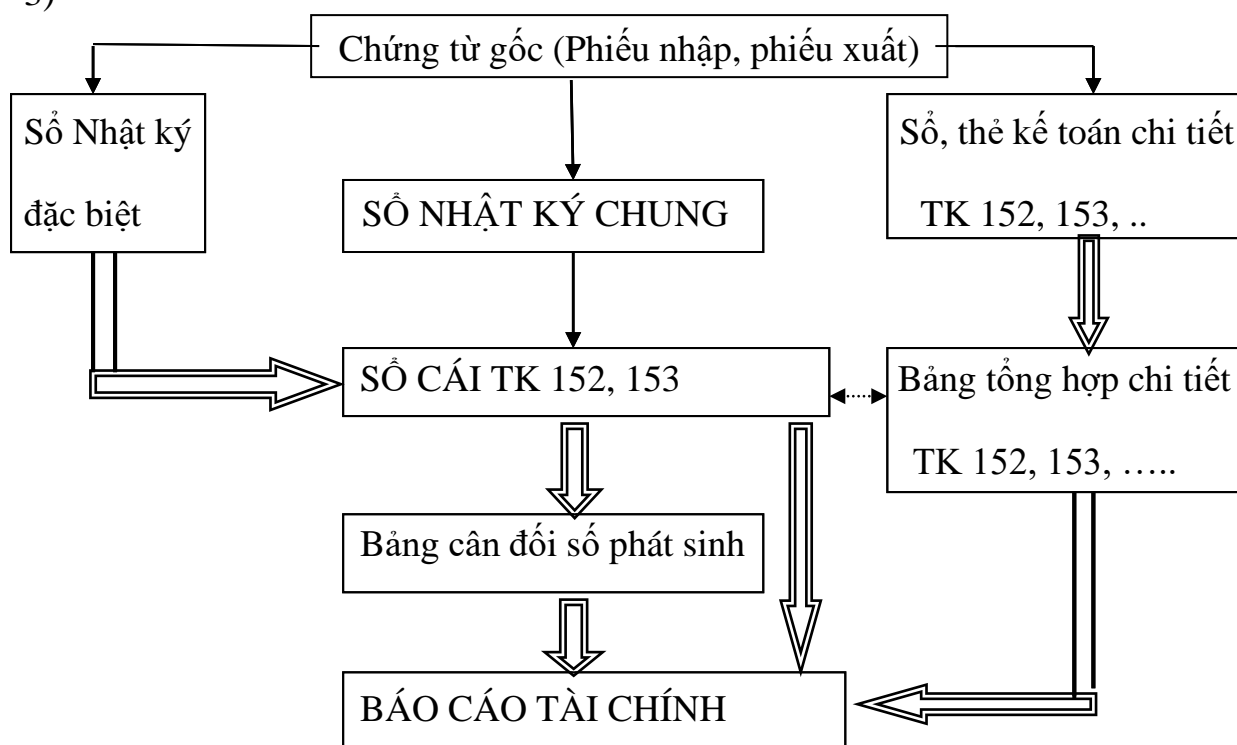
kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

+ *Sổ Nhật ký chung; Sổ nhật ký đặc biệt; Sổ Cái; Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.*

1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

3)



Ghi chú: →

Ghi hàng ngày ←.....→

Ghi cuối tháng ⇨

Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán hàng tồn kho theo hình thức Nhật ký Chung.

1.3.2. Hình thức Nhật ký - Sổ cái.

• Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật Ký - Sổ Cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật Ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật Ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật Ký - Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán như sau:

+ Nhật Ký - Sổ Cái; Các sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

• Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái

1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để vào sổ Nhật ký - Sổ Cái. Số liệu của mỗi chứng từ (hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả hai phần Nhật ký và phần Sổ cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những từ cùng loại (Phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập,) phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày. Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi Nhật ký - Sổ Cái, được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

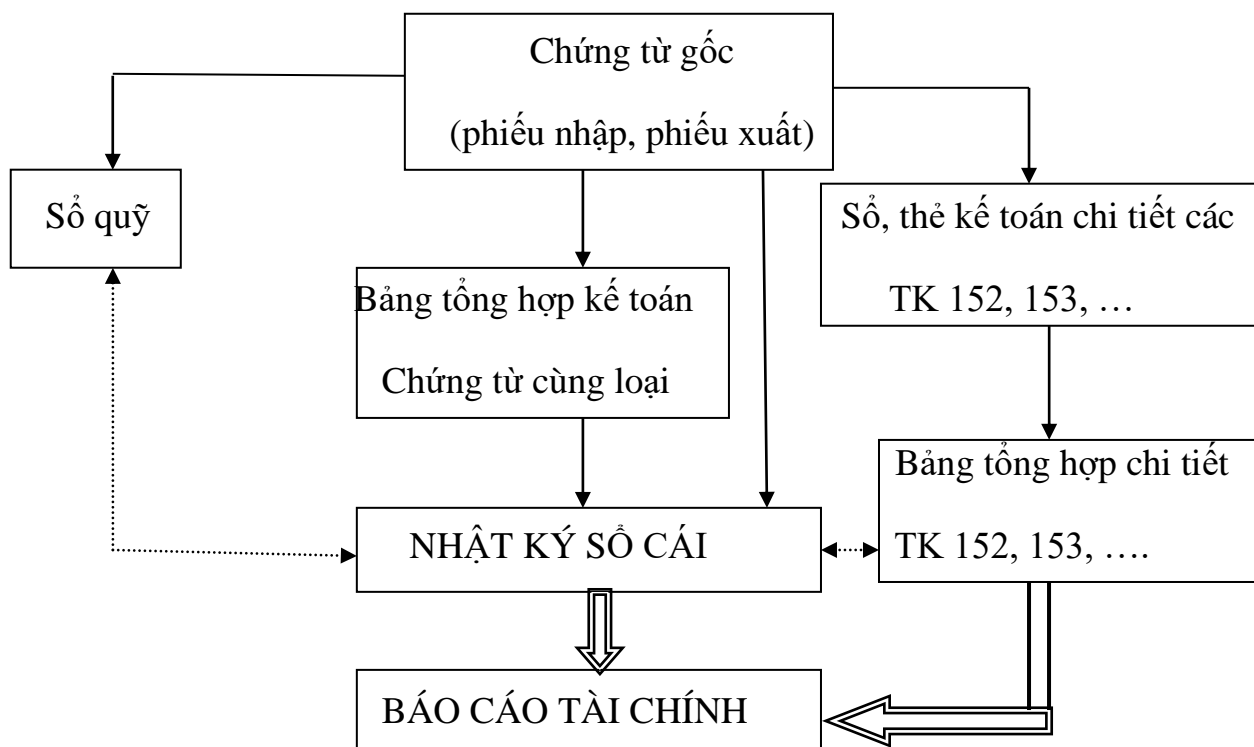
2) Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào Sổ Nhật ký - Sổ Cái và các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ Cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) củ từng tài khoản trên Nhật ký - Sổ Cái.

3) Khi kiểm tra, đối chiếu số cộng cuối tháng (cuối quý) trong Sổ Nhật ký - Sổ Cái phải đảm bảo các yêu cầu sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng số tiền của} \\ \text{cột "số phát sinh"} \\ \text{ở phần Nhật ký} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số phát} \\ \text{sinh nợ của tất} \\ \text{cả các tài khoản} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số phát} \\ \text{sinh có của tất} \\ \text{cả các tài khoản} \end{array}$$

$$\text{Tổng số dư nợ các tài khoản} = \text{Tổng số dư có các tài khoản}$$

4) Các sổ, Thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khóa sổ để cộng số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. Căn cứ vào số liệu khóa sổ của các đối tượng lập “Bảng tổng hợp chi tiết” cho từng tài khoản. Số liệu trên “Bảng tổng hợp chi tiết” được đối chiếu với số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và Số dư cuối tháng của từng tài khoản trên Sổ Nhật ký - Sổ Cái. Số liệu trên Sổ Nhật ký - Sổ Cái và “Bảng tổng hợp chi tiết” sau khi khóa sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập BCTC.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ←.....→

Kiểm tra, đối chiếu ⇨

Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán hàng tồn kho theo hình thức Nhật ký - Sổ Cái.

1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- ❖ Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ
- ❖ Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

❖ Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự của Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

+ Chứng từ ghi sổ;

+ Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;

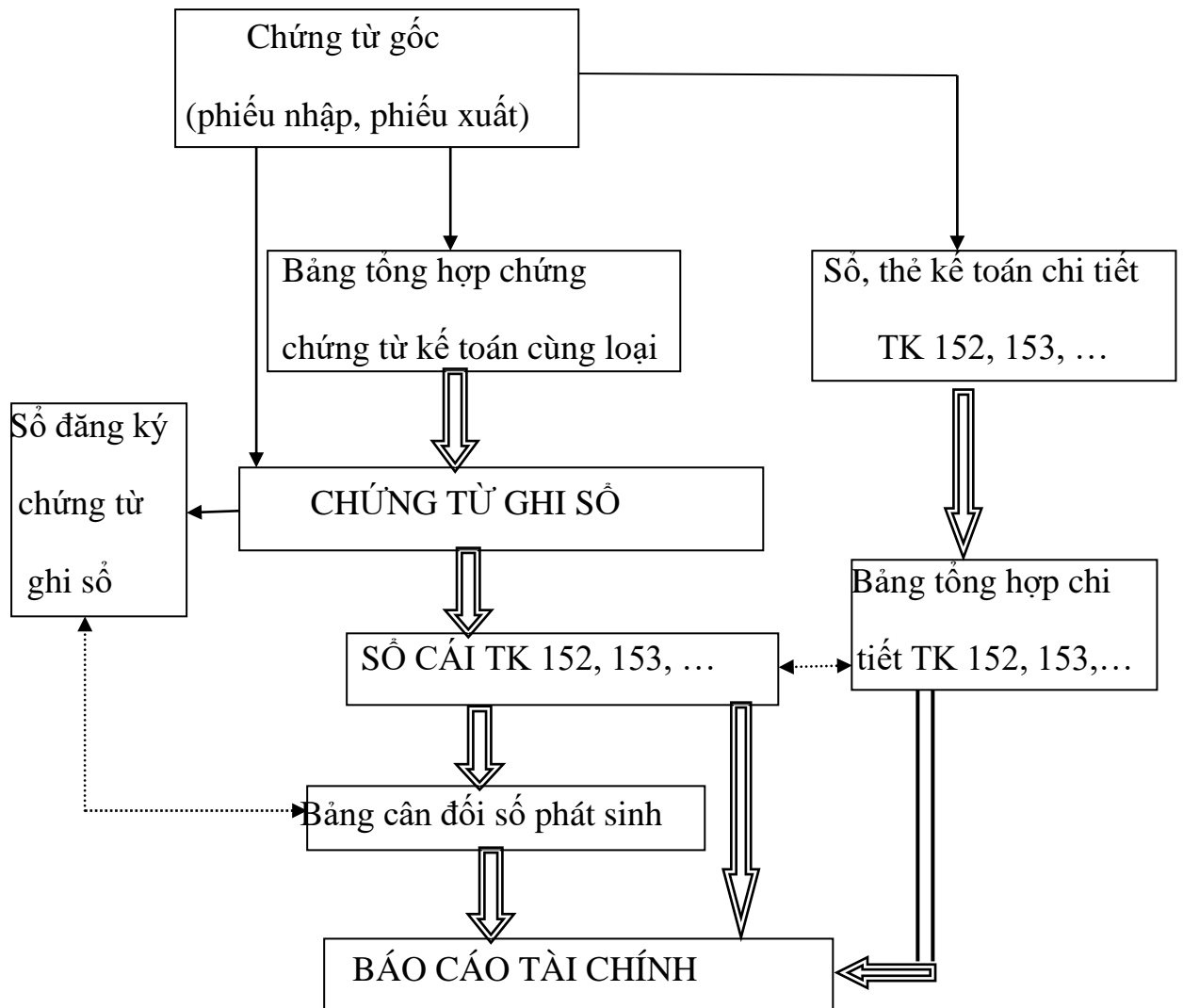
+ Sổ Cái; Các sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

❖ Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ, Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

2) Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, Tính ra tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

3) Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập BCTC. Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và số dư của từng tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên bảng tổng hợp chi tiết.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ←.....→

Kiểm tra, đối chiếu ⇨

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán hàng tồn kho theo hình thức Chứng từ ghi sổ.

1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ:

- ❖ Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế dựa theo các tài khoản đối ứng Nợ.

❖ Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản)

❖ Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong một quá trình ghi chép.

❖ Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập BCTC. Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ gồm các loại sổ kế toán sau:

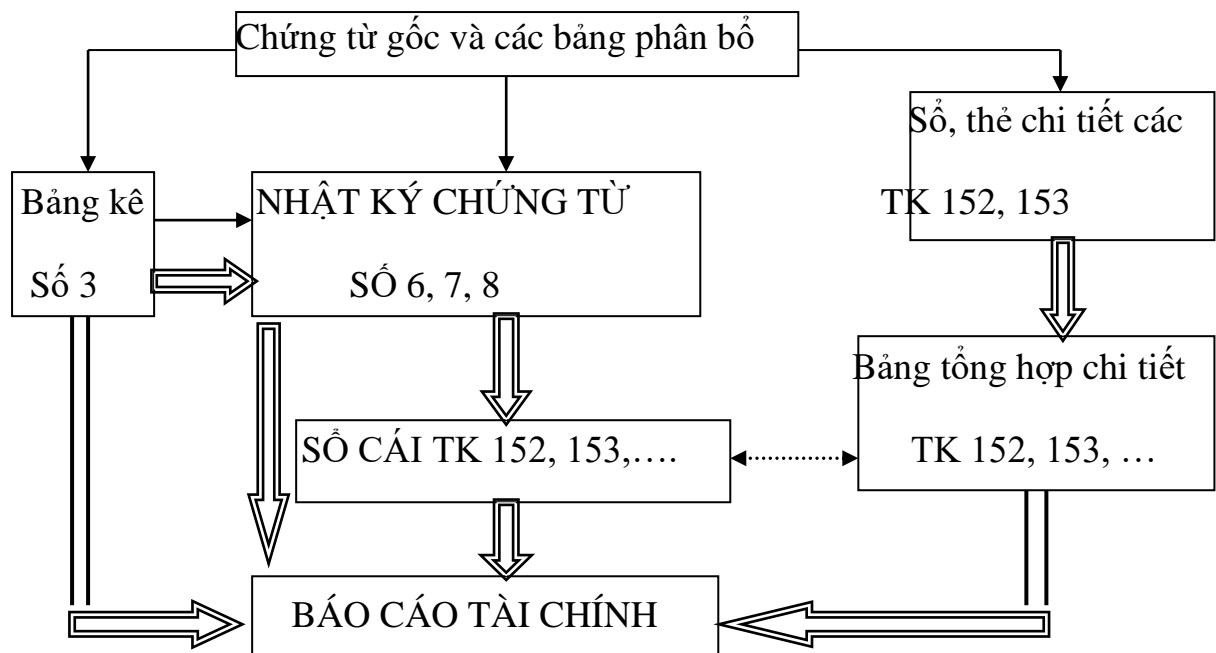
+ Nhật ký chứng từ;

+ Bảng kê; Sổ Cái; Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ:

1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký - Chứng từ hoặc Bảng kê, sổ chi tiết có liên quan. Đối với các loại chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các Bảng kê và Nhật ký - Chứng từ có liên quan. Đối với các Nhật ký - Chứng từ được ghi căn cứ vào các Bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký - Chứng từ.

2) Cuối tháng khóa sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng hợp của các Nhật ký - Chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ Cái. Đối với các chứng từ có liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các sổ, thẻ có liên quan. Cuối tháng, cộng các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các Bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với Sổ Cái. Số liệu tổng cộng ở Sổ Cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký - Chứng từ, Bảng kê và Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập BCTC.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ←.....

Kiểm tra, đối chiếu ⇨

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán hàng tồn kho theo hình thức Nhật ký - Chứng từ.

1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định. Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính, Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

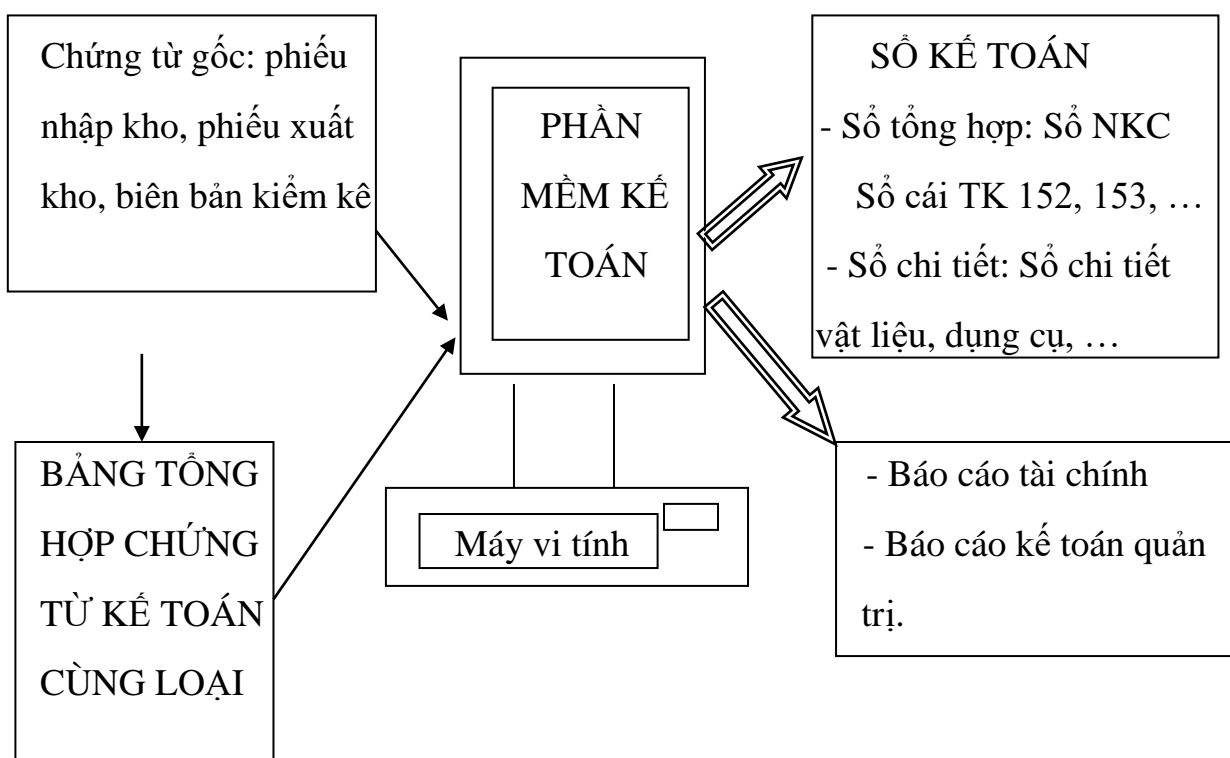
Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính:

- 1) Hàng ngày, Kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập vào dữ liệu máy tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Theo quy trình của phần mềm kế

toán, các thông tin được tự động cập nhật vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái....) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

2) Cuối tháng, (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính theo quy định. Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

3)



Ghi chú:

Ghi hàng ngày —————→

Đối chiếu, kiểm tra ←.....→

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm ═══════→

Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.

CHƯƠNG 2:**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NVL VÀ CCDC TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH - NHÀ MÁY SẢN XUẤT NPK****2.1. Đặc điểm tình hình chung về chi nhánh công ty cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình – Nhà máy sản xuất NPK.****2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của nhà máy.****2.1.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của nhà máy.**

Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình đi vào hoạt động ngày 25/5/2013 theo giấy phép kinh doanh số 0200730878 - 004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng.

Tên chi nhánh: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình - Nhà máy sản xuất NPK.

Địa chỉ chi nhánh: Xóm 6 Cống Chanh – Xã Đông Sơn – Huyện Thủy Nguyên – Thành Phố Hải Phòng.

Số điện thoại: 031.626.3333

Mã số thuế: 0200730878; Fax: 031.353.3679

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, chế biến;

Sau chín năm xây dựng và phát triển, chi nhánh đã không ngừng đẩy mạnh phát huy lĩnh vực kinh doanh truyền thống, đồng thời mở rộng thêm nhiều mảng kinh doanh, sản xuất khác tạo những bước đột phá để nhằm khẳng định vị thế của một doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam về kinh doanh, sản xuất phân bón, hóa chất, hàng nông sản và dịch vụ xuất nhập khẩu.

2.1.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của nhà máy.**❖ Chức năng của nhà máy:**

- Là nhà xuất khẩu lớn nhất cả nước về mặt hàng phân bón DAP với khoảng 60% thị phần xuất khẩu DAP và khoảng 20% thị phần xuất khẩu các loại phân bón còn lại của cả nước.
- Nhà máy sản xuất phân NPK và phân lân mang thương hiệu Đình Vũ với công suất 80.000 tấn/năm.

❖ Nhiệm vụ của nhà máy:

- Cung cấp các sản phẩm dịch vụ chất lượng cao phục vụ phát triển ngành nông nghiệp bền vững ở Việt Nam.
- Trở thành một doanh nghiệp hàng đầu trong việc sản xuất và cung cấp phân bón, hóa chất và vật tư nông nghiệp ở Việt Nam.

- Sử dụng và quản lý tốt, đúng mục đích nguồn vốn tự có. Bên cạnh đó áp dụng đúng sổ sách kế toán theo chế độ kế toán hiện hành; Luôn cập nhật thông tin mới nhất về chuẩn mực kế toán.

- Công bố BCTC hàng năm, thông báo các thông tin về hoạt động của Nhà máy theo quy định của chính phủ. Chịu trách nhiệm nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của nhà nước.

Với tiềm lực sẵn có cùng với tiềm lực sáng tạo không ngừng, nhà máy luôn kiên định với mục tiêu trở thành đối tác tin cậy của các công ty Tập đoàn trong và ngoài nước. Bên cạnh sự phát triển đó, công ty cũng gặp không ít thuận lợi và khó khăn:

Thuận lợi:

- + Có đội ngũ nhân viên nắm vững chế độ và sự biến động của thị trường.
- + Khi nước ta gia nhập TPP là cơ hội lớn để nhà máy phát triển trong dài hạn.
- + Nhà máy có đội ngũ lao động lành nghề, trung thành, tận tụy; máy móc thiết bị tiên tiến;

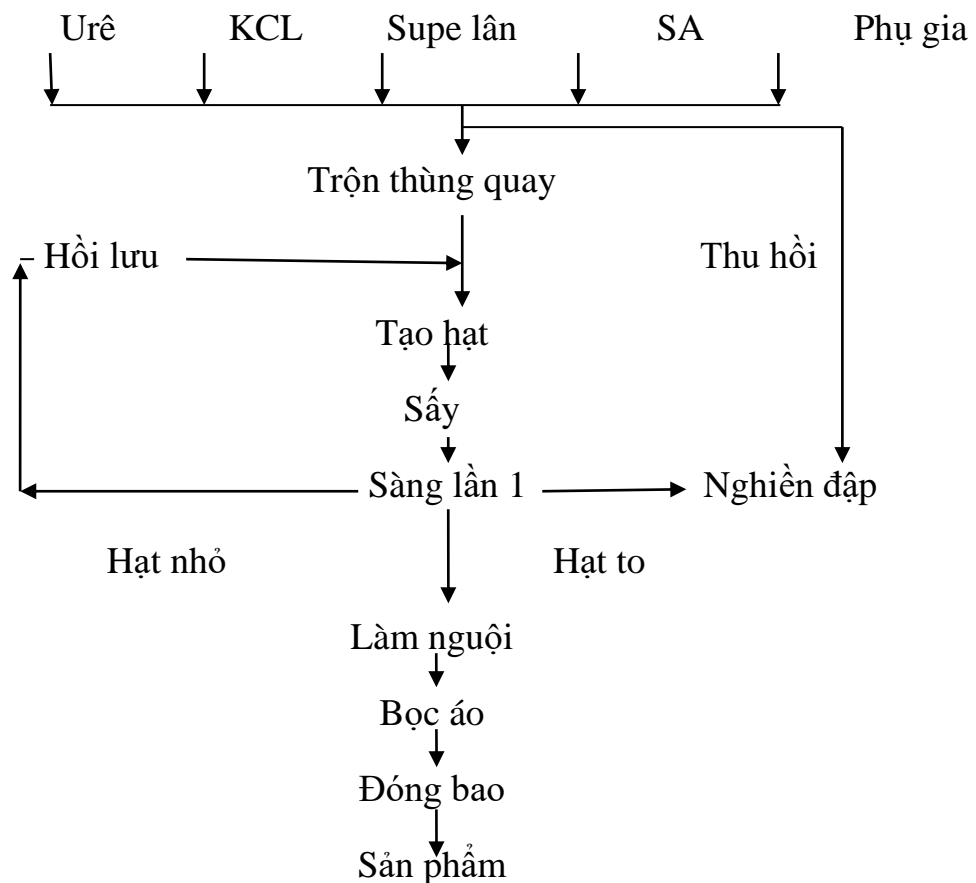
Khó khăn:

- + Việc sản xuất còn tốn nhiều chi phí nên giá thành còn cao.
- + Mẫu mã, bao bì sản phẩm chưa bắt mắt dễ nhầm lẫn với bao bì sản phẩm khác.
- + Số lượng công nhân vận hành còn ít nên gặp khó khăn trong khi nhà máy có nhiều đơn hàng nhưng lại không giao kịp.

2.1.2. Đặc điểm tổ chức quản lý kinh doanh của nhà máy.

2.1.2.1. Đặc điểm tổ chức sản xuất của nhà máy.

Công ty đã quyết định lựa chọn kinh doanh sản xuất phân bón, hóa chất và nông sản nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người tiêu dùng trong hoạt động trồng trọt và chăn nuôi. Hoạt động kinh doanh trong vòng xoáy cạnh tranh của thị trường, đi kèm với cơ hội là những thách thức của một sân chơi lớn mở ra cho các doanh nghiệp. Hoạt động trong lĩnh vực sản xuất phân bón, hóa chất nên hàng hóa của công ty bao gồm: URE HẠT TRONG, DAP NÂU(VÀNG), LƯU HUỖNH, NGÔ. Quy trình sản xuất phân bón NPK của nhà máy như sau:



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ quy trình sản xuất phân bón NPK.

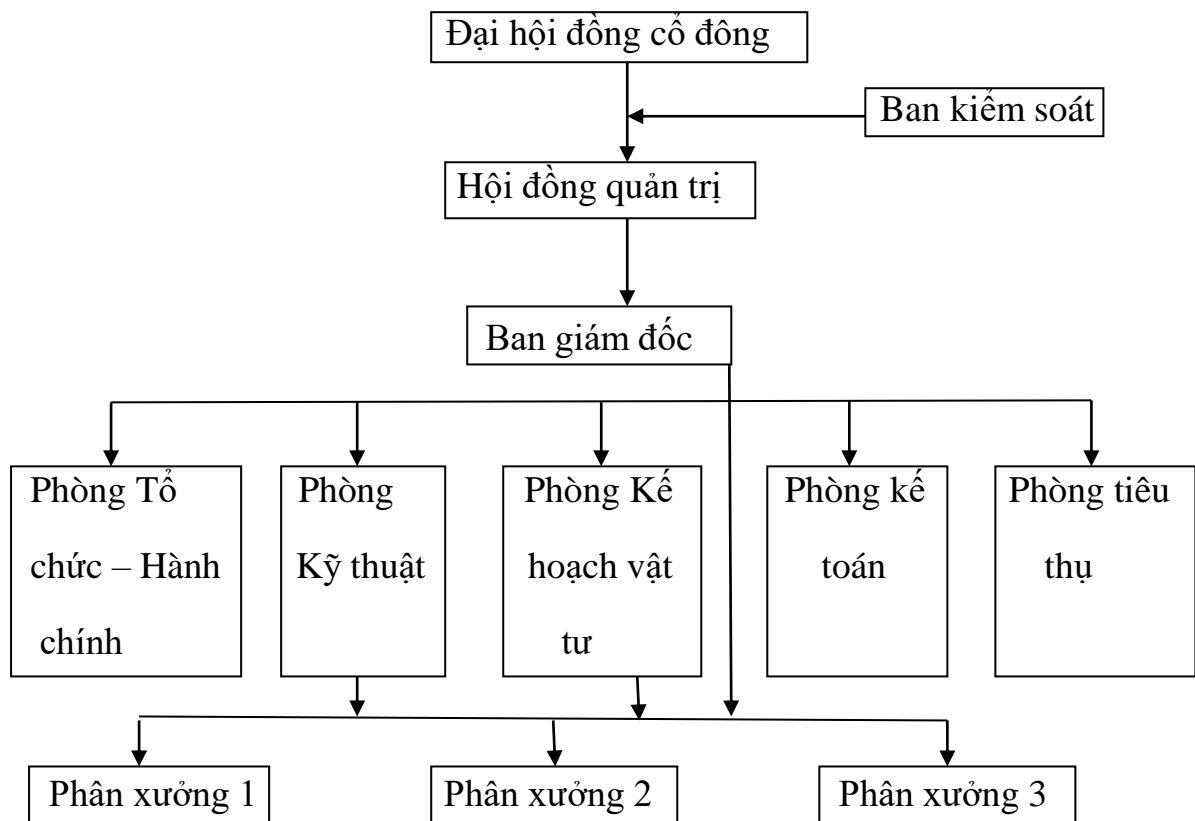
2.1.2.2. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của nhà máy.

Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức theo quy mô trực tuyến chức năng. Trong đó công nhân trực tiếp sản xuất chiếm 55% bộ máy gián tiếp làm việc ở các phòng ban. Bộ máy quản lý được thể hiện qua sơ đồ 2.2.

❖ Chức năng nhiệm vụ của bộ máy quản lý

- Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của công ty, có quyền nhân danh công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Ban giám đốc: do hội đồng quản trị bầu ra, gồm:
 - + Giám đốc: đại diện pháp nhân cho công ty, điều hành sản xuất kinh doanh, có quyền quyết định cơ cấu tổ chức của công ty.
 - + Phó giám đốc: giúp việc cho giám đốc, được giám đốc ủy quyền quản lý quá trình sản xuất kỹ thuật.
- Ban kiểm soát: do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có 3 thành viên chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm gây thiệt hại cho công ty khi thực hiện nhiệm vụ.

- Phòng tổ chức – Hành chính: Quản lý nhân sự, cung cấp nguồn nhân lực cho sản xuất, theo dõi các chế độ người lao động, bảo vệ tài sản, con người,...
- Phòng kỹ thuật: Quản lý công tác kỹ thuật công nghệ sản xuất của công ty, ban hành các chỉ tiêu định mức kinh tế kỹ thuật,
- Phòng kế hoạch vật tư: Xây dựng kế hoạch sản xuất, kiểm soát thực hiện phê chuẩn tài liệu mua hàng, lựa chọn nhà cung cấp, tổ chức quản lý kho vật tư – thành phẩm.
- Phòng kế toán: thực hiện các nghiệp vụ kế toán theo quy định của nhà nước, kiểm tra các hoạt động chính trong công ty, báo cáo tình hình tài chính cho giám đốc, tham mưu cho lãnh đạo quy chế tài chính trong công ty.
- Phòng bán hàng: Bán hàng, mở rộng thị trường.
- Các phân xưởng sản xuất có nhiệm vụ sản xuất theo kế hoạch của công ty.



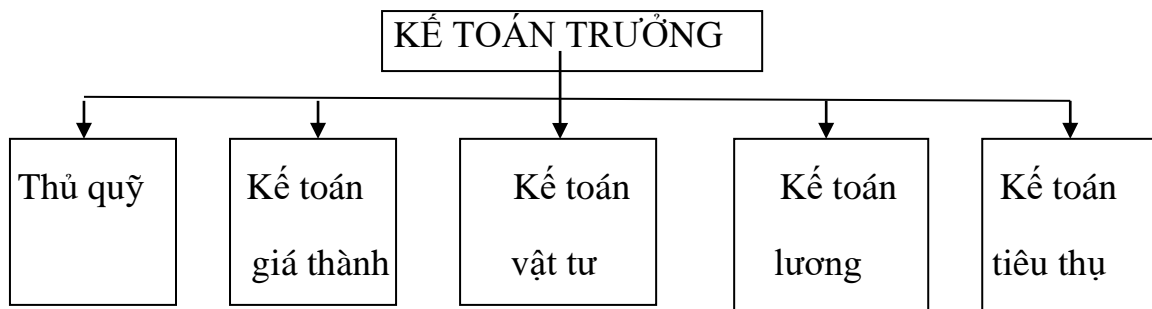
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại nhà máy.

2.1.3. Đặc điểm công tác kế toán tại nhà máy sản xuất NPK.

2.1.3.1. Đặc điểm bộ máy kế toán.

Bộ máy kế toán của nhà máy được tổ chức theo mô hình tập trung. Các nghiệp vụ kế toán chính phát sinh được tập trung ở phòng kế toán của nhà máy.

Tổ chức bộ máy kế toán của nhà máy được thể hiện ở sơ đồ sau:

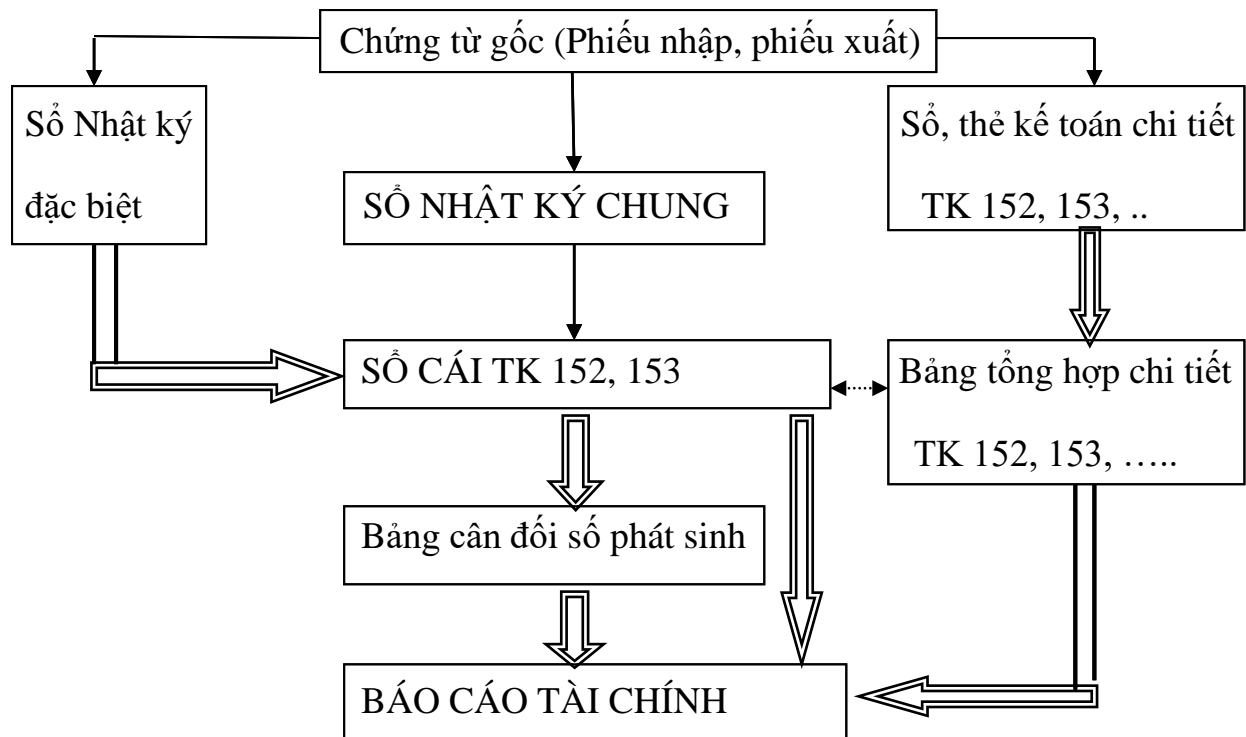


Sơ đồ 2.3: Sơ đồ bộ máy kế toán của nhà máy sản xuất NPK.

- Kế toán trưởng: Có nhiệm vụ theo dõi, giám sát công việc của các kế toán viên, tổ chức bộ máy kế toán phù hợp với hoạt động nhà máy. Đồng thời kế toán trưởng là người có trách nhiệm giải thích các báo cáo tài chính cho cơ quan quản lý cấp trên cũng như các đối tượng quan tâm khác, có trách nhiệm tham mưu cho giám đốc về tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh của nhà máy.
- Thủ quỹ: Là người quản lý tiền mặt của công ty, hàng ngày căn cứ vào phiếu thu chi tiền mặt, ghi sổ quỹ phần thu chi. Sau đó tổng hợp, đối chiếu thu chi với kế toán có liên quan.
- Kế toán lương: Có nhiệm vụ tính lương, thưởng và chế độ chính sách cho toàn bộ công nhân viên trong công ty dựa trên quy định của Nhà nước.
- Kế toán giá thành: Có nhiệm vụ tập hợp toàn bộ các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung để tính giá thành sản phẩm; tập hợp theo dõi chứng từ liên quan đến số lượng thành phẩm nhập, xuất kho theo các mục khác nhau; theo dõi hàng tồn kho.
- Kế toán tiêu thụ: theo dõi tình hình tiêu thụ sản phẩm, đề ra chiến lược kinh doanh hiệu quả cho ban giám đốc.
- Kế toán vật tư: Theo dõi tình hình nhập xuất vật tư để quá trình sản xuất diễn ra liên tục, không bị ngưng trệ, gián đoạn.

2.1.3.2. Hình thức ghi sổ kế toán tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình – Nhà máy sản xuất NPK.

- Để phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh hiện nay nhà máy áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung theo sơ đồ 2.4



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng $\longleftarrow\cdots\cdots\longrightarrow$

Kiểm tra, đối chiếu \Longrightarrow

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán hàng tồn kho tại Nhà máy sản xuất NPK.

2.1.3.3. Các chính sách kế toán áp dụng tại Chi nhánh Công ty .

- Chi nhánh công ty cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình đang áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.
- Kỳ kế toán năm: Bắt đầu từ ngày 01/01 đến 31/12.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).
- Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại nhà máy được tiến hành theo phương pháp kê khai thường xuyên, kế toán hàng tồn kho theo phương pháp ghi thẻ song song. Giá xuất kho hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

2.2. Thực trạng kế toán NVL, CCDC tại chi nhánh công ty cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình – Nhà máy sản xuất NPK.

2.2.1. Đặc điểm công tác quản lý và phân loại NVL, CCDC tại chi nhánh công ty cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình – Nhà máy sản xuất NPK.

2.2.1.1. Đặc điểm nguyên vật liệu tại nhà máy:

Nguyên vật liệu là đối tượng lao động được thể hiện dưới dạng vật hóa, chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất kinh doanh nhất định và toàn bộ giá trị vật liệu được chuyển hết một lần vào chi phí kinh doanh trong kỳ. Trong quá trình tham gia vào hoạt động sản xuất, dưới tác động của lao động, vật liệu bị tiêu hao toàn bộ hoặc bị thay đổi hình thái vật chất ban đầu, để cấu thành thực thể của sản phẩm. Nó là cơ sở để hình thành nên sản phẩm mới.

Nguyên vật liệu là một yếu tố đầu vào quan trọng nhất của quá trình sản xuất kinh doanh, nó chiếm tỉ trọng lớn trong giá thành sản phẩm về mặt giá trị nguyên vật liệu chuyển dịch một lần hoàn toàn vào giá trị sản phẩm mới tạo ra.

2.2.1.2. Đặc điểm CCDC tại nhà máy:

Công cụ dụng cụ (CCDC) là những tư liệu lao động không đủ tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng để xếp vào tài sản cố định (theo chế độ hiện hành, những tư liệu lao động có giá trị nhỏ hơn 30.000.000 đồng thì xếp vào công cụ dụng cụ.

Vì vậy, CCDC mang đầy đủ các đặc điểm như tài sản cố định: tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh, giá trị bị hao mòn dần trong quá trình sử dụng, giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu cho đến lúc hư hỏng. CCDC trong nhà máy được sử dụng để phục vụ sản xuất hay hoạt động bán hàng, hoạt động quản lý.

2.2.1.3. Phân loại nguyên vật liệu:

Chi nhánh công ty cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình - nhà máy sản xuất NPK phải sử dụng một khối lượng NVL rất lớn, bao gồm nhiều loại khác nhau, mỗi loại có một vai trò tính năng lý hóa riêng. Để quản lý tốt thì DN phải phân loại NVL; theo dõi từng kho và được chia làm 5 loại:

- Nguyên vật liệu chính: Đây là những nguyên vật liệu quan trọng nhất cấu thành nên thực thể của thành phẩm như: URE, Supe lân, KCL,
- Nguyên vật liệu phụ: Vật liệu này cũng bao gồm rất nhiều chủng loại kết hợp với nguyên vật liệu chính để hoàn thiện thành phẩm và đảm bảo máy móc hoạt động bình thường. Những vật liệu phụ như: Cacbonnat canxi, magie, silian,

- Nhiên liệu: Nhà máy có phân xưởng cơ động chuyên cung cấp nhiên liệu cho toàn nhà máy. Hiện nay, công ty đang sử dụng các loại nhiên liệu như: Khí gas hóa lỏng, gas, than, xăng, dầu.

- Phụ tùng thay thế: Những phụ tùng quan trọng là: Băng tải, băng chuyền, dây coroa, cầu dao,.....

- Phế liệu thu hồi: Những phế liệu này chủ yếu thu được từ sản xuất như: KCL, phụ gia, SA,.....

2.2.1.4. Phân loại CCDC:

Dựa vào mục đích sử dụng thì toàn bộ CCDC trong doanh nghiệp được chia thành ba loại:

+ Công cụ dụng cụ: bao gồm tất cả các CCDC sử dụng cho mục đích sản xuất sản phẩm như: máy bơm dầu, máy khoan, máy đầm,

+ Bao bì luân chuyển: là những bao bì được luân chuyển nhiều lần dùng để chứa đựng vật tư, sản phẩm, hàng hóa: bao bì cứng, bao bì mềm, bao polime,

+ Đồ dùng cho thuê: bao gồm cả CCDC, bao bì luân chuyển được sử dụng để cho thuê: Máy nâng, máy đập, bao cứng,

2.2.1.5. Đặc điểm công tác quản lý NVL, CCDC:

Kế toán ghi chép, theo dõi tình hình nhập – xuất – tồn kho vật tư cả về số lượng, chất lượng, giá trị. Tính giá trị của vật liệu xuất kho theo phương pháp thích hợp, phương pháp tính giá phải sử dụng nhất quán ít nhất là trong một niên độ kế toán.

Kế toán tính và phân bổ giá trị của vật tư sử dụng vào chi phí sản xuất theo đúng chế độ quy định.

Kế toán vận dụng đúng đắn các phương pháp hạch toán vật tư, hướng dẫn kiểm tra việc chấp hành các nguyên tắc, thủ tục nhập – xuất kho vật liệu. Kiểm tra hướng dẫn việc hạch toán nghiệp vụ của thủ kho để xác định số tồn kho, thường xuyên đối chiếu số liệu kế toán trên sổ kế toán với thẻ kho của thủ kho để xác định số tồn kho thực tế của từng thứ vật liệu.

Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch thu mua, tình hình dự trữ và tiêu hao vật tư, phát hiện và xử lý kịp thời vật tư thừa, thiếu, ứ đọng, kém phẩm chất, ngăn ngừa việc sử dụng vật tư lãng phí.

Kế toán tham gia kiểm kê, đánh giá lại vật tư theo chế độ của nhà nước. Lập kế toán báo cáo về vật tư phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành và phân tích kinh tế.

❖ Nguồn cung cấp NVL, CCDC : Tập đoàn hóa chất VN (Vinachem); Công ty DAP Đình Vũ; Công ty Đạm Ninh Bình; CTCP Hóa Chất Phúc Lâm...

2.2.2. Phương pháp tính giá NVL, CCDC tại nhà máy sản xuất NPK.

2.2.2.1. Giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho.

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ của công ty chủ yếu mua ngoài bao gồm mua trong nước và mua nhập khẩu (chủ yếu thông qua hình thức ủy thác nhập khẩu). Công ty hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, do đó trị giá vốn thực tế NVL không bao gồm thuế GTGT đầu vào.

* Đối với NVL, CCDC mua trong nước nhập kho:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế} \\ \text{NVL, CCDC} \\ \text{nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá ghi trên} \\ \text{hóa đơn} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các chi} \\ \text{phí thu} \\ \text{mua} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí vận} \\ \text{chuyển, bốc dỡ} \end{array}$$

Nếu công ty mua NVL, CCDC mà chi phí vận chuyển bốc dỡ nằm trong giá mua thì giá thực tế của NVL, CCDC nhập kho chính là giá bán trên hóa đơn.

Nếu chi phí vận chuyển bốc dỡ công ty chịu thì trị giá của NVL, CCDC nhập kho bao gồm cả chi phí vận chuyển bốc dỡ.

Các chi phí vận chuyển bốc dỡ... được tập hợp vào cuối tháng và sẽ được cộng vào trị giá thực tế NVL, CCDC nhập kho cho từng loại nguyên vật liệu.

Trong trường hợp chi phí vận chuyển, bốc dỡ... phát sinh cho nhiều loại NVL, CCDC thì tập hợp các chi phí này lại và cuối tháng phân bổ chi phí đó cho từng loại NVL, CCDC theo giá trị NVL, CCDC mua về.

* Đối với NVL, CCDC mua nhập khẩu:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá vốn thực tế} \\ \text{NVL, CCDC nhập} \\ \text{kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá ghi trên} \\ \text{hóa đơn} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Thuế Nhập khẩu} \\ \text{hoặc thuế TTĐB} \\ \text{(nếu có)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{thu mua} \end{array}$$

Các chi phí khác bao gồm: Phí lưu kho, phí mở L/C, chi phí hải quan, chi phí ưu đãi... các chi phí này được tập hợp riêng vào cuối tháng tiến hành phân bổ chi phí đó cho từng loại NVL, CCDC mua về.

* Đối với phế liệu thu hồi: giá nhập kho tính theo giá bán trên thị trường

VD 2.1: Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 000808(biểu 2.1) ngày 02/12/2015, nhà máy nhập 5.000kg URE của công ty DAP Đình Vũ, đơn giá 3.200 đ/kg (chưa bao gồm thuế GTGT 10%). Hàng được chuyển đến tận nhà máy không phát sinh chi phí thu mua.

Vậy giá trị vật liệu nhập kho là: $5.000 \times 3.200 = 16.000.000$ đồng.

VD 2.2: Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 000102 (biểu 2.13) ngày 12/12/2015, nhà máy mua 3 máy khoan của Công ty Cổ phần Tuấn Đạt, đơn giá 2.500.000 đ chưa bao gồm thuế GTGT 10%, hàng giao tận kho nhà máy, chi phí vận chuyển đã tính vào giá mua. Công ty thanh toán bằng chuyển khoản.

Giá trị nhập kho của máy khoan này là: $3 \times 2.500.000 = 7.500.000$ đ

2.2.2.2. Giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho.

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhà máy xuất cho sản xuất nhà máy lựa chọn phương pháp tính bình quân gia quyền liên hoàn. Theo phương pháp này, sau mỗi lần nhập, kế toán phải xác định lại giá trị thực của vật tư và giá đơn vị bình quân.

Áp dụng phương pháp này việc tính giá được thực hiện mỗi ngày, giá trị nguyên vật liệu xuất kho ngày nào cũng được ghi sổ, các nghiệp vụ luôn được cập nhật vào mỗi tháng, có thể cung cấp số liệu tại bất kỳ thời điểm nào theo yêu cầu quản lý.

VD 2.3: Tình hình URE của nhà máy trong tháng 12 năm 2015 như sau:

- Tồn kho đầu kỳ: 2.000kg, giá thực tế nhập kho 3.050 đồng/kg.
- Mua vào ngày 02/12: mua 5.000kg, đơn giá 3.200 đồng/kg.
- Xuất dùng vào ngày 05/12: xuất cho sản xuất 4.500kg.

$$\text{Đơn giá bình quân liên hoàn của URE} = \frac{2.000 * 3.050 + 5.000 * 3.200}{2.000 + 5.000} = 3.157$$

Trị giá vốn thực tế NVL xuất kho trong kỳ = $4.500 * 3.157 = 14.206.500$ đồng.

VD 2.4: Máy khoan ở nhà máy thuộc loại công cụ dụng cụ phân bổ 30% giá trị CCDC vào chi phí sản xuất kinh doanh. Trong tháng 12 máy khoan có tình hình nhập, xuất tồn như sau:

- Tồn đầu tháng: 5 chiếc, đơn giá 2.000.000 đ/chiếc, trị giá 10.000.000 đ.
- Ngày 12: Nhập kho 3 máy khoan, đơn giá 2.500.000 đ/chiếc, trị giá 7.500.000đ.
- Ngày 20: Xuất kho 5 máy khoan cho tổ sản xuất.

$$\text{Đơn giá bình quân liên hoàn của máy khoan} = \frac{10.000.000 + 7.500.000}{5 + 3} = 2.187.500 \text{ đ/chiếc.}$$

2.2.3. Kế toán chi tiết NVL và CCDC tại nhà máy sản xuất NPK.

2.2.3.1. Chứng từ, sổ kế toán chi tiết sử dụng tại nhà máy NPK.

+ Chứng từ sử dụng: Phiếu nhập kho; Phiếu xuất kho;

- + Biên bản kiểm nghiệm;
- + Hóa đơn (GTGT);
- + Hóa đơn cước vận chuyển'

Sổ kế toán chi tiết NVL, CCDC: Thẻ kho; Sổ chi tiết vật tư, CCDC; Bảng tổng hợp chi tiết vật tư, CCDC;

2.2.3.2. Thủ tục nhập, xuất NVL và CCDC tại nhà máy sản xuất NPK.

a) Thủ tục nhập kho NVL, CCDC:

- Chi nhánh Công Ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình có các nhà cung cấp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ như công ty DAP Đình Vũ; Công ty đạm Ninh Bình; Công ty Cổ phần Hóa chất Phúc Lâm;

- Thủ tục nhập:

Căn cứ theo nhu cầu sản xuất và định mức tiêu hao nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ do bộ phận kỹ thuật đề ra, phòng kế hoạch vật tư lên kế hoạch nhập. Sau đó làm việc với nhà cung cấp bằng đơn đặt hàng lập có phê duyệt của kế toán nguyên vật liệu.

Khi hàng về, Phòng kế hoạch vật tư cùng thủ kho tiến hành kiểm nghiệm và làm thủ tục nhập kho. Phiếu nhập kho được lập thành 3 liên:

Liên 1: Lưu lại tại phòng kế hoạch vật tư

Liên 2: Giao cho thủ kho để vào thẻ kho

Liên 3: Kèm hóa đơn chuyển sang phòng kế toán để làm căn cứ ghi sổ kế toán.

Căn cứ vào phiếu nhập kho, thủ kho tiến hành kiểm nghiệm vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho, ghi số lượng thực nhập.

Tiếp VD 2.1: Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 000808 (biểu 2.1) ngày 02/12/2015, nhà máy nhập 5.000kg URE của công ty DAP Đình Vũ, đơn giá 3.200 đ/kg (chưa bao gồm thuế GTGT 10%). Hàng được công ty DAP Đình Vũ chuyển thẳng tới công ty. Hóa đơn bên bán giao cho nhà máy như sau: (Biểu 2.1)

Biểu 2.1: Hóa đơn GTGT số 000808

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT – 3LL/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Kí hiệu: AB/13P			
Liên 2: Giao cho khách hàng		Số 000808			
<i>Ngày 02 tháng 12 năm 2015</i>					
Đơn vị bán hàng: Công ty DAP Đình Vũ					
Địa chỉ: Lô GI – Khu kinh tế Đình Vũ – Quận Hải An – TP. Hải Phòng.					
Số tài khoản: 0356100876002					
Điện thoại: 0313.979.368			Fax: 0313979170		
Họ và tên người mua: Nguyễn Thị Hoa					
Tên đơn vị: Chi nhánh Công Ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình – Nhà máy sản xuất NPK.					
Địa chỉ: Xóm 6 – xã Đông Sơn – Thủy Nguyên – Hải Phòng.					
Số TK: 013002671450034					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt			Mã số thuế: 0200730878		
STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	URE	Kg	5.000	3.200	16.000.000
Cộng tiền hàng:					16.000.000
Thuế suất thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		1.600.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					17.600.000
Số tiền bằng chữ: Mười bảy triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn./					
Người mua hàng		Kế toán trưởng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)	
<i>(Nguồn phòng Kế toán nhà máy)</i>					

Biểu 2.2: Biên bản kiểm nghiệm nguyên liệu URE.**BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM**

(Vật tư, sản phẩm, hàng hóa)

Ngày 2 tháng 12 năm 2015

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế số 145/HĐMB và hóa đơn số 01 GTKT – 3LL/001 000808 ngày 02/12/2015.

Bên Chi nhánh Công Ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình – Nhà máy sản xuất NPK kiểm nghiệm hàng do Công ty DAP Đình Vũ

Giao hàng ngày 02/12/2015 gồm những người sau:

- Ông: Nguyễn Văn Năm – Trưởng Ban
- Ông :Đặng Tiến Nam - Ủy viên
- Bà Lê Thị Liên - Ủy viên

Đã kiểm nghiệm các loại:

STT	Tên hàng	Mã SP	ĐVT	SL theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm	
					SL đúng quy cách	SL không đúng quy cách
1	URE	URE	Kg	5.000	5.000	0

Ý kiến của ban kiểm nghiệm: Đã kiểm tra thấy vật tư đạt đủ số lượng và đúng chủng loại theo yêu cầu.

Đại diện ký thuật**Thủ kho****Trưởng ban**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn phòng kế toán nhà máy)

Biểu 2.3: Phiếu nhập kho.

Đơn vị: Chi nhánh Công Ty Cổ Phần XNK

Mẫu số 01 – VT

Quảng Bình - Nhà máy sản xuất NPK.

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

Bộ phận: Kho nguyên liệu.

Ngày 20 tháng 03 năm 2006 Của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Số :03/12

Ngày 02 tháng 12 năm 2015

Nợ TK

152

- Họ và tên người giao hàng: Lê Thanh Lan

Có: 111

- Theo hóa đơn GTGT số: 000808. Ngày 02 tháng 12 năm 2015

- Nhập tại kho: Chi nhánh Công Ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình –
Nhà máy sản xuất NPK – Địa điểm: Kho nguyên liệu

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất, vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	URE		Kg	5.000	5.000	3.200	16.000.000
Cộng							16.000.000

Cộng thành tiền (viết bằng chữ): Mười sáu triệu đồng chẵn./

Ngày 02 tháng 12 năm 2015

Người lập phiếu**Người giao hàng****Thủ kho****Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(Nguồn phòng Kế toán nhà máy)

b) Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ:

- Chứng từ sử dụng: Giấy đề nghị xuất vật tư; Phiếu xuất kho.
- Xuất vật tư để sản xuất sản phẩm: Khi có nhu cầu về vật tư, bộ phận sử dụng lập giấy đề nghị xuất vật tư được lập trên cơ sở kế hoạch sản xuất và định mức tiêu hao do phòng kế toán lập ra. Nếu giấy đề nghị được giám đốc ký duyệt thì sẽ trở thành căn cứ để lập phiếu xuất kho.

Phiếu xuất kho được lập gồm có 3 liên:

Liên 1: Lưu

Liên 2: Giao cho thủ kho để ghi vào thẻ kho và hạch toán nội bộ

Liên 3: Giao cho tổ lĩnh vật tư

Thủ kho căn cứ vào phiếu xuất kho, thực hiện xuất kho và ghi số lượng thực xuất vào phiếu.

*Tiếp **VD2.3:*** Ngày 05/12/2015, xuất kho NVL để phục vụ cho việc sản xuất phân bón URE, trong đó 4.500kg URE, đơn giá xuất 3.157 đồng (đã trình bày ở trang số 37). Khi đó tổ sản xuất sẽ lập giấy đề nghị cung ứng vật liệu (biểu 2.4, 2.5 và 2.6) như sau:

Biểu 2.4: Giấy đề nghị cung ứng phân URE

Chi nhánh Công Ty Cổ phần Xuất nhập khẩu

Quảng Bình – Nhà máy sản xuất NPK **Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc****GIẤY ĐỀ NGHỊ**

Cung cấp vật tư

Kính gửi:- Giám đốc Công ty

- Phòng kế hoạch vật tư

Tổ sản xuất có nhu cầu đề nghị Giám đốc Công ty duyệt cấp loại nguyên vật liệu sau:

STT	Tên vật tư	MS	ĐVT	SL	Lý do sử dụng
1	URE	URE	Kg	4.500	Sản xuất phân URE 12:5:10

Ngày 5 tháng 12 năm 2015

Người lập
(ký, họ tên)**Thủ trưởng ĐV**
(ký, họ tên)**Phòng KH – VT**
(ký, họ tên)**Giám đốc Công ty**
(ký, họ tên)

(Nguồn phòng Kế toán nhà máy)

Biểu 2.5: Giấy đề nghị cung ứng phân KALI

Chi nhánh Công Ty Cổ phần Xuất nhập khẩu

Quảng Bình – Nhà máy sản xuất NPK **Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc****GIẤY ĐỀ NGHỊ**

Cung cấp vật tư

Kính gửi:- Giám đốc Công ty

- Phòng kế hoạch vật tư

Tổ sản xuất có nhu cầu đề nghị Giám đốc Công ty duyệt cấp loại nguyên vật liệu sau:

STT	Tên vật tư	MS	ĐVT	SL	Lý do sử dụng
1	Kali	K	Kg	800	Sản xuất phân URE 12:5:10

Ngày 5 tháng 12 năm 2015

Người lập
(ký, họ tên)**Thủ trưởng ĐV**
(ký, họ tên)**Phòng KH – VT**
(ký, họ tên)**Giám đốc Công ty**
(ký, họ tên)

(Nguồn phòng Kế toán nhà máy)

Biểu 2.6: Giấy đề nghị cung ứng SA

Chi nhánh Công Ty Cổ phần Xuất nhập khẩu

Quảng Bình – Nhà máy sản xuất NPK **Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc****GIẤY ĐỀ NGHỊ**

Cung cấp vật tư

Kính gửi:- Giám đốc Công ty

- Phòng kế hoạch vật tư

Tổ sản xuất có nhu cầu đề nghị Giám đốc Công ty duyệt cấp loại nguyên vật liệu sau:

STT	Tên vật tư	MS	ĐVT	SL	Lý do sử dụng
1	SA	SA	Kg	800	Sản xuất phân URE 12:5:10

Ngày 5 tháng 12 năm 2015

Người lập
(ký, họ tên)**Thủ trưởng DV**
(ký, họ tên)**Phòng KH – VT**
(ký, họ tên)**Giám đốc Công ty**
(ký, họ tên)

(Nguồn phòng Kế toán nhà máy)

Biểu 2.7: Phiếu xuất kho.

Đơn vị: Chi nhánh công ty cổ phần XNK Quảng Bình

Chi nhánh nhà máy sản xuất NPK.

Bộ phận: xưởng số 1

Mẫu số 02 – VT

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

Ngày 20 tháng 03 năm 2006 Của Bộ trưởng BTC

PHIẾU XUẤT KHO**Số: 15/12**

Ngày 5 tháng 12 năm 2015

Nợ TK 621

Có: TK 152

- Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Trịnh Nguyên – Bộ phận: Sản xuất
- Lý do xuất kho: sản xuất phân URE 12:5:10
- Xuất tại kho: Chi nhánh Công Ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình – Nhà máy sản xuất NPK

STT	Tên vật liệu	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Kali		kg	800	800	2.205	1.764.000
2	URE		kg	4.500	4.500	3.157	14.206.500
3	SA		kg	800	800	2.835	2.268.000
Cộng							18.238.500

- Tổng số tiền viết bằng chữ: Mười tám triệu hai trăm ba tám nghìn năm trăm đồng chẵn./

- Số chứng từ gốc kèm theo: 03 lệnh cấp phát vật tư.

Ngày 5 tháng 12 năm 2015

Người lập phiếu

(ký, họ tên)

Người nhận hàng

(ký, họ tên)

Thủ kho

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

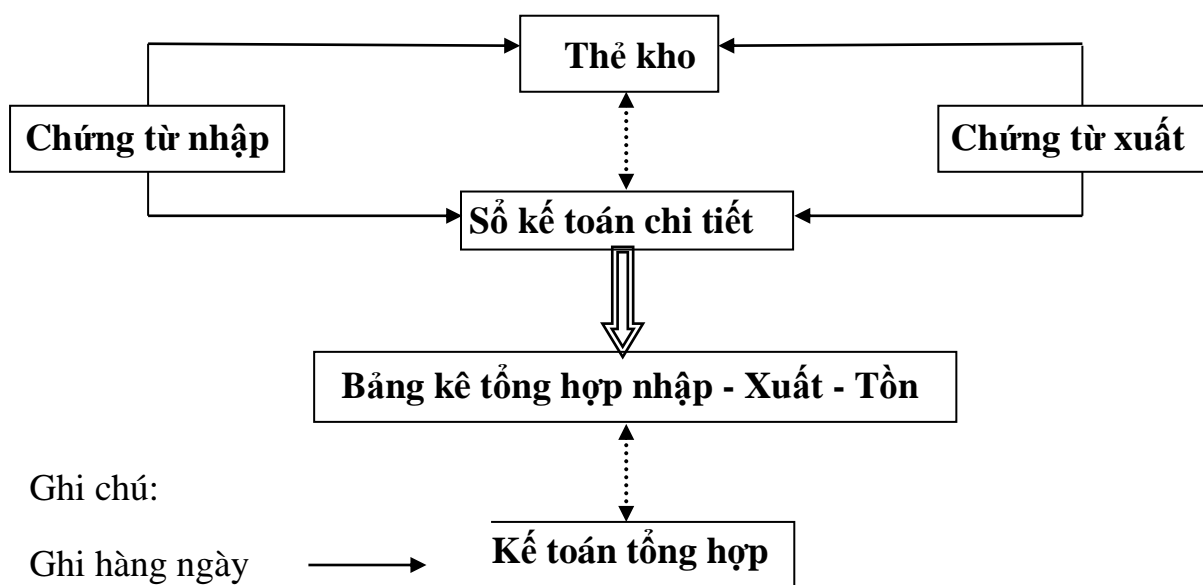
(ký, họ tên)

(Nguồn phòng Kế toán nhà máy)

2.2.3.3. Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Chi nhánh Công Ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình – Nhà máy sản xuất NPK

Công tác hạch toán chi tiết hàng tồn kho tại Chi nhánh Công Ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình – Nhà máy sản xuất NPK được tiến hành theo phương pháp ghi thẻ song song.

Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Chi nhánh Công Ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình – Nhà máy sản xuất NPK như sau:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ←.....→

Kiểm tra, đối chiếu ⇨

Sơ đồ 2.5: Sơ đồ quy trình hạch toán chi tiết NVL, CCDC tại nhà máy sản xuất NPK.

❖ Ở kho: Thủ kho dùng thẻ kho để phản ánh tình hình nhập, xuất, tồn vật liệu, công cụ dụng cụ về mặt số lượng. Khi nhận các chứng từ nhập, xuất vật liệu, công cụ dụng cụ, thủ kho phải kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi tiến hành ghi chép số thực nhập, thực xuất vào chứng từ thẻ kho. Cuối ngày tính ra số tồn kho ghi vào thẻ kho. Định kỳ thủ kho gửi (hoặc kế toán xuống kho nhận) các chứng từ xuất, nhập đã được phân loại theo từng thứ vật liệu, công cụ dụng cụ cho phòng kế toán.

VD 2.5: Đối với nguyên vật liệu phân URE

- Căn cứ vào phiếu nhập số 03/12 (Biểu số 2.3), phiếu xuất số 15/12 (Biểu số 2.7) thủ kho ghi vào thẻ kho (Biểu 2.8)

Biểu 2.8: Thẻ kho:

Đơn vị: Nhà máy sản xuất NPK

Mẫu số S12 – DN

Địa chỉ: Xóm 6 – Cống Chanh – Đông Sơn - (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC)

Thủy nguyên – Hải Phòng.

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/12/2015

Tờ số: 35

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: phân URE

Đơn vị tính: Kg

Mã Số: URE

S T T	Ngày, tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				Tồn đầu kỳ				5.000	
1	02/12	PN 03/12		Mua nhập kho	02/12	5.000		10.000	
2	05/12		PX 15/12	Xuất cho sản xuất	05/12		4.500	5.500	
3	07/12		PX 18/12	Xuất cho sản xuất	07/12		3.500	2.000	
4	12/12	PN 09/12		Mua nhập kho	12/12	6.000		8.000	
								
				Cộng		71.000	42.000		
				Tồn CK				34.000	

(Nguồn phòng Kế toán nhà máy)

❖ Ở phòng kế toán: Kế toán sử dụng sổ (thẻ) kế toán chi tiết vật liệu, công cụ dụng cụ để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho theo chỉ tiêu hiện vật và giá trị. Về cơ bản, sổ (thẻ) kế toán chi tiết vật liệu, công cụ dụng cụ có kết cấu giống như thẻ kho nhưng có thêm các cột để ghi chép theo chỉ tiêu giá trị. Cuối tháng kế toán cộng sổ chi tiết vật liệu, công cụ dụng cụ và kiểm tra đối chiếu với thẻ kho. Ngoài ra để có số liệu đối chiếu, kiểm tra với kế toán tổng hợp cần phải tổng hợp số liệu trên sổ chi tiết vào Bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn kho vật liệu, Công cụ dụng cụ theo từng nhóm, loại vật liệu, công cụ dụng cụ.

VD 2.6: Đối với nguyên vật liệu là phân URE

- Căn cứ vào phiếu nhập số 03/12 (Biểu số 2.3), phiếu xuất số 15/12 (Biểu số 2.7) thủ kho ghi vào sổ chi tiết (Biểu 2.9)
- Cuối tháng, từ sổ chi tiết vào bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa) (Biểu 2.10)
- Căn cứ vào phiếu nhập số 03/12 (Biểu số 2.3), phiếu xuất số 15/12 (Biểu số 2.7) thủ kho ghi vào Sổ Nhật ký chung (biểu 2.11) và sổ cái TK 152 (biểu 2.12)

❖ Thủ tục nhập - xuất kho CCDC cũng được tiến hành tương tự thủ tục nhập xuất NVL.

VD 2.7: Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 000102 (Biểu 2.13), ngày 12/12/2015, công ty mua thiết bị sản xuất của cửa hàng Hiền Hòa, số tiền 38.600.000 (chưa VAT 10%), đã trả bằng TGNH. Thủ kho lập phiếu nhập kho (Biểu 2.14)

Biểu 2.9: Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa):

Chi nhánh công ty cổ phần XNK Quảng Bình.

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Mẫu số: S10 - DN

Nhà máy sản xuất NPK.

Tháng 12 năm 2015

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006

Tài khoản: 152 Tên kho: Kho số 1

ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

Tên, quy cách hàng hóa: URE

Đơn vị tính: Kg

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		<u>Tồn đầu tháng</u>		3.000					<u>5.000</u>	<u>15.000.000</u>
HĐ000808	02/12/14	Mua URE nhập kho	111	3.200	5.000	16.000.000			10.000	
PX 15/12	05/12/14	Xuất URE cho sản xuất	621	3.157			4.500	14.206.500	5.500	
									
		Cộng tháng			71.000	223.650.000	42.000	139.230.000		
		<u>Tồn cuối tháng</u>							34.000	99.420.000

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ (ký, họ tên)

Kế toán trưởng (ký, họ tên)

Ngày tháng năm

Giám đốc (ký, họ tên, đóng dấu)

BIỂU 2.10: Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa)

Chi nhánh công ty cổ phần XNK Quảng Bình

Mẫu số: S11 - DN

Nhà máy sản xuất NPK.

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006

Địa chỉ: Xóm 6 – Cống Chanh – xã Đông Sơn – Thủy Nguyên – HP

ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA.

Tài khoản: 152

Tháng 12-Năm 2015

Đơn vị tính : Đồng

ST T	Tên, qui cách hàng hóa	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
		SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT
1	URE	5.000	15.000.000	71.000	223.650.000	42.000	139.230.000	34.000	99.420.000
2	SA	6.576	16.440.000	45.200	126.560.000	34.852	100.548.020	16.942	42.451.980
3	PHỤ GIA	68.150	119.569.175	423.000	733.387.500	293.580	515.086.110	197.570	337.870.565
...							
10	SUPE LÂN	41.920	73.360.000	251.000	448.411.500	162.730	289.903.495	130.190	231.868.005
	Cộng		967.735.750		7.987.751.700		5.579.091.597		3.376.395.853

(Nguồn phòng Kế toán nhà máy)

2.2.4. Kế toán tổng hợp NVL và CCDC tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình - Nhà máy sản xuất NPK.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình - Nhà máy sản xuất NPK áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán tổng hợp hàng tồn kho. Theo phương pháp này, tình hình biến động nhập – xuất – tồn được ghi chép, phản ánh một cách thường xuyên liên tục từ đó giúp công tác quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại nhà máy chặt chẽ hơn.

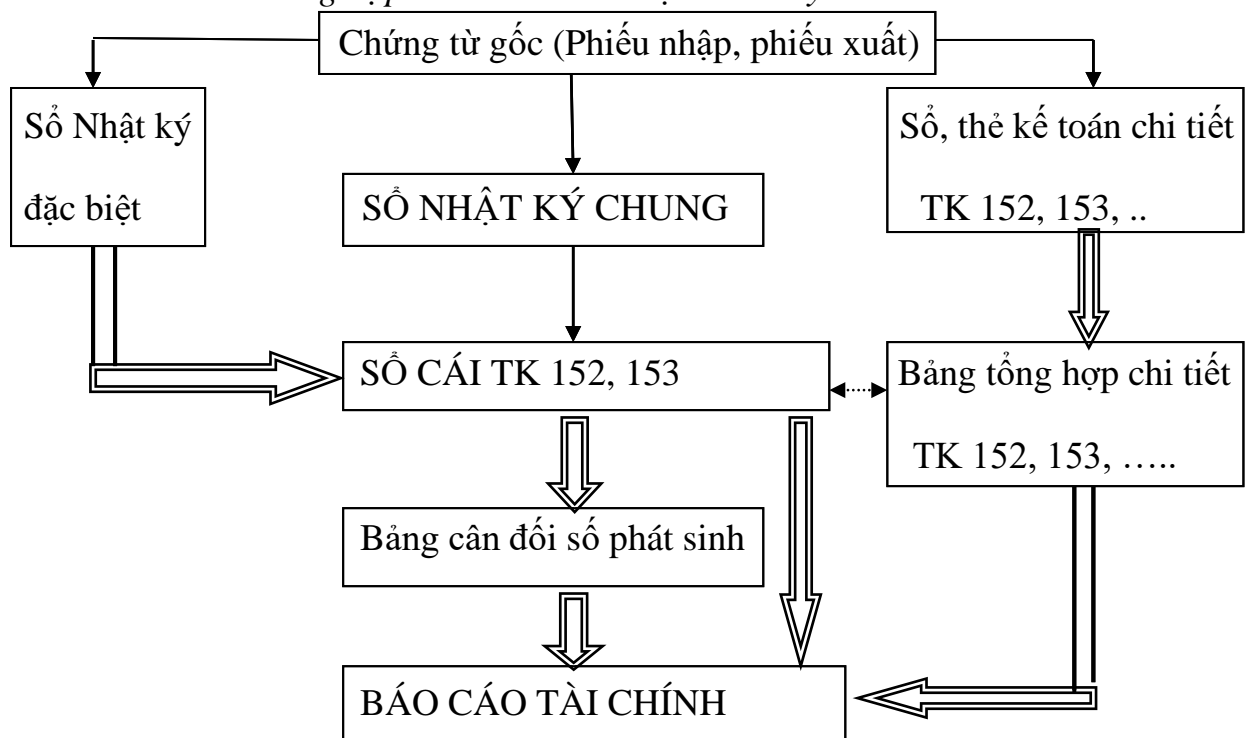
2.2.4.1. Tài khoản sử dụng trong kế toán NVL và CCDC tại nhà máy sản xuất NPK.

- TK 152 – Nguyên vật liệu; TK 153 – Công cụ dụng cụ.
- TK liên quan: TK 111, TK112, TK 331, TK133, TK 154, TK 621, 622, 627, ...

2.2.4.2. Sổ sách sử dụng trong kế toán tổng hợp NVL và CCDC tại nhà máy sản xuất NPK.

- Sổ sách sử dụng: Sổ nhật ký chung; Sổ cái TK 152, 153

2.2.4.3. Kế toán tổng hợp NVL và CCDC tại nhà máy sản xuất NPK.



Ghi chú:
 Ghi hàng ngày →
 Ghi cuối tháng ←.....→
 Kiểm tra, đối chiếu ⇨

Sơ đồ 2.6: Trình tự ghi sổ kế toán hàng tồn kho theo hình thức Nhật ký Chung.

Biểu 2.11: Sổ Nhật ký chung

Chi nhánh công ty cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Mẫu số: S03a – DN

Nhà máy sản xuất NPK

Năm 2015

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ – BTC

Xóm 6 – Công Chanh – Đông Sơn – TN - HP

Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
							
02/12/15	PC 03/12	02/12	Mua URE nhập kho	✓		152	16.000.000	
			Thuế GTGT được khấu trừ	✓		133	1.600.000	
			Trả tiền mua URE	✓		111		17.600.000
							
05/12/15	P XK – 15/12	05/12	Xuất URE, SA, Kali cho sản xuất sản phẩm	✓		621	18.238.500	
				✓		152		18.238.500
13/12/15	PN 14/12	13/12	Mua CCDC chưa trả tiền	✓		153	40.000.000	
				✓		133	4.000.000	
				✓		331		44.000.000
17/12/15	PN 19/12	17/12	Mua SA nhập kho chưa trả tiền	✓		152	15.000.000	
				✓		133	1.500.000	
				✓		331		16.500.000
							
			Cộng tổng số phát sinh				25,605,689,395	25,605,689,395

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ (ký, họ tên)

Kế toán trưởng (ký, họ tên)

Giám đốc (ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn phòng Kế toán nhà máy)

Biểu số 2.12: Sổ cái TK 152

Chi nhánh công ty cổ phần XNK Quảng Bình

SỔ CÁI

Mẫu số: S03b – DN

Nhà máy sản xuất NPK

Năm 2015

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ – BTC)

Xóm 6 – Cống Chanh – Xã Đông Sơn – TN - HP

Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

Tên TK: Nguyên Vật liệu; Số hiệu: 152

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TKĐ Ư	Số tiền	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				967.735.750	
			Số phát sinh trong kỳ					
							
02/12/14	HĐ 000808	02/1 2	Mua URE nhập kho	20	534	111	16.000.000	
03/12/14	HĐ 000811	02/1 2	Mua SA nhập kho trả bằng tiền mặt	20	550	111	14.040.000	
04/12/14	PXK – 10/12	04/1 2	Xuất SA cho sản xuất	20	575	621		33.760.000
							
05/12/14	PXK – 15/12	05/1 2	Xuất URE, SA, Kali cho sản xuất	21	650	621		18.238.500
			Cộng số phát sinh				7.987.751.700	5.579.091.597
			Số dư cuối kỳ				3.376.395.853	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn phòng Kế toán nhà máy)

Biểu số 2.13: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG				Mẫu số : 01 GTKT3/001	
Liên 2: Giao khách hàng				Ký hiệu : AA/14P	
Ngày 12 tháng 12 năm 2015				Số: 000102	
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần Tuấn Đạt					
Mã số thuế: 0200827051					
Địa chỉ : Phố Mới, Tân Dương, Thủy Nguyên, Hải Phòng.					
ĐT: 031.3979368 Fax: 031.3979.170					
Số tài khoản: 0356100876002 tại Ngân hàng TMCP Đông Á – Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Thị Hoa.					
Tên đơn vị: Chi nhánh Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình – Nhà máy sản xuất NPK; Địa chỉ : Xã Đông Sơn – Thủy Nguyên – Hải Phòng					
Số tài khoản: 013002671450034 tại Ngân hàng cổ phần thương mại Á Châu(ACB)					
Hình thức thanh toán : ..CK MS: 0200574957					
ST T	Tên hàng hóa,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Máy bơm dầu	Chiếc	01	2.000.000	2.000.000
2	Máy khoan	Chiếc	03	2.500.000	7.500.000
3	Máy đầm	Chiếc	01	20.000.000	20.000.000
4	Máy đập	Chiếc	01	5.500.000	5.500.000
5	Máy nâng	Chiếc	01	3.600.000	3.600.000
Cộng tiền hàng					38.600.000
Thuế suất GTGT:10% Tiền thuế GTGT					3.860.000
<i>Tổng cộng tiền thanh toán</i>					42.460.000
Số tiền viết bằng chữ: Bốn hai triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn./					
Ngày 12 tháng 12 năm 2015					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	

(Nguyên phòng Kế toán nhà máy)

Biểu số 2.14: Phiếu nhập kho

Đơn vị: Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần XNK Quảng Bình

Mẫu số 01 – VT

Nhà máy sản xuất NPK.

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

Bộ phận: kho CCDC.

*Ngày 20 tháng 03 năm 2006 Của Bộ trưởng BTC***PHIẾU NHẬP KHO***Ngày 12 tháng 12 năm 2015*

Số: 16/12

Số: 153

Số: 112

- Họ tên người giao hàng: Vũ Khiết Chinh
- Theo hóa đơn GTGT số: 000102. Ngày 12 tháng 12 năm 2015 của cửa hàng Hiền Hòa.
- Nhập tại kho: Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần XNK Quảng Bình

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất, vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Máy bơm dầu		Chiếc	01	01	2.000.000	2.000.000
2	Máy khoan		Chiếc	03	03	2.500.000	7.500.000
3	Máy đầm		Chiếc	01	01	20.000.000	20.000.000
4	Máy đập		Chiếc	01	01	5.500.000	5.500.000
5	Máy nâng		Chiếc	01	01	3.600.000	3.600.000
CỘNG							38.600.000

- Tổng số tiền viết bằng chữ: Ba tám triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn./

- Số chứng từ gốc kèm theo: Hóa đơn GTGT số 000102

*Ngày 12 tháng 12 năm 2015***Người lập phiếu****Người giao hàng****Thủ kho****Kế toán trưởng***(ký, họ tên)**(ký, họ tên)**(ký, họ tên)**(ký, họ tên)*

(Nguồn phòng Kế toán nhà máy)

VD2.8: Ngày 20/12/2015, xuất kho CCDC để sản xuất NPK 15:5:9. Kế toán lập phiếu xuất kho P XK – 25/12 (Biểu 2.15)

Biểu số 2.15: Phiếu xuất kho

Đơn vị: Chi nhánh công ty cổ phần XNK Quảng Bình

Chi nhánh nhà máy sản xuất NPK.

Mẫu số 02 – VT

Bộ phận: kho CCDC

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

Ngày 20 tháng 03 năm 2006 Của Bộ trưởng BTC

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 20 tháng 12 năm 2015

Số: 25/12

- Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Trịnh Nguyên. Địa chỉ: Phân xưởng NPK
- Lý do xuất kho: xuất CCDC phục vụ việc sản xuất NPK
- Xuất tại kho: Chi nhánh công ty cổ phần XNK Quảng Bình

STT	Tên vật liệu	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Máy bơm dầu		Chiếc	01	01	2.000.000	2.000.000
2	Máy khoan		Chiếc	01	01	2.500.000	2.500.000
3	Máy đầm		Chiếc	01	01	20.000.000	20.000.000
4	Máy đập		Chiếc	01	01	5.500.000	5.500.000
5	Máy nâng		Chiếc	01	01	3.600.000	3.600.000
Tổng cộng							33.600.000

Tổng số tiền viết bằng chữ: Ba ba triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn./

Ngày 15 tháng 12 năm 2015

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(Nguồn phòng Kế toán nhà máy)

VD2.9:

- Căn cứ vào PNK 16/12, P XK 25/12 thủ kho ghi thẻ kho (Biểu 2.16)
- Căn cứ vào PNK 16/12, P XK 25/12 kế toán vật liệu ghi sổ chi tiết vật tư (Biểu 2.17)
- Cuối tháng, từ sổ chi tiết vào bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn (Biểu 2.18)

Thẻ kho được mở tương tự với các vật tư khác như: máy khoan, máy đầm, máy đập, máy nâng.

Biểu số 2.16: Thẻ kho (Số kho).

Đơn vị: Nhà máy sản xuất NPK

Mẫu số S12 – DN

Địa chỉ: Xóm 6 – Cống Chanh – Đông Sơn - (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC)

Thủy nguyên – Hải Phòng.

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/12/2015

Tờ số: 35

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Máy Nâng

Đơn vị tính: Kg

Mã Số: URE

S T T	Ngày, tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				Tồn đầu kỳ				<u>03</u>	
1	22/12	PN 23/12		Mua máy nâng nhập kho	22/12	01		04	
2	25/12		PX 27/12	Xuất máy nâng đem sản xuất	25/12		02	02	
								
				Cộng		01	02	x	
				Tồn CK				<u>02</u>	

(Nguồn phòng Kế toán nhà máy)

Biểu 2.17: Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm hàng hóa)

Chi nhánh công ty cổ phần XNK Quảng Bình **SỔ CHI TIẾT CÔNG CỤ DỤNG CỤ**

Mẫu số: S10 - DN

Nhà máy sản xuất NPK

Năm 2015

Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006

Tài khoản: 153

Tên kho: Kho CCDC

ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng BTC)

Tên quy cách hàng hóa: Máy nâng

Đơn vị tính: Chiếc

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		Tồn đầu tháng		4.000.000					03	12.000.000
HĐ000102	12/12/14	Mua máy nâng nhập kho	112	3.600.000	01	3.600.000			04	15.600.000
PX 25/12	20/12/14	Xuất CCDC cho việc sản xuất tại xưởng 2	621	3.900.000			02	7.800.000	02	7.800.000
									
		Cộng tháng			01	3.600.000	02	7.800.000	x	x
		Tồn cuối tháng							02	7.800.000

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang 01 đến trang

Ngày tháng năm

Người ghi sổ (ký, họ tên)

Kế toán trưởng (ký, họ tên)

Giám đốc (ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.18: Bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa.

Chi nhánh công ty cổ phần XNK Quảng Bình

Mẫu số: S11 - DN

Nhà máy sản xuất NPK.

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006

Địa chỉ: Xóm 6 – Cống Chanh – xã Đông Sơn – Thủy Nguyên – HP

ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA.

Tài khoản: 153

Tháng 12-Năm 2015

Đơn vị tính : Đồng

STT	Tên, qui cách hàng hóa	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kì		Xuất trong kì		Tồn cuối kì	
		SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT
								
5	Máy bơm dầu	03	4.500.000	01	2.000.000	02	3.250.000	02	3.250.000
3	Máy khoan	05	10.000.000	03	7.500.000	05	10.937.500	03	6.562.500
4	Máy nâng	03	12.000.000	01	3.600.000	02	7.800.000	02	7.800.000
								
	Cộng		67.990.000		318.884.250		254.898.000		131.976.250

Ngày tháng Năm

Người lập (ký, họ tên)

Kế toán trưởng (ký, họ tên)

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 000102 và phiếu xuất kho 25/12, kế toán ghi sổ Nhật ký chung (Biểu 2.19)
- Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán ghi ra sổ cái TK 153 (Biểu 2.20)

Biểu 2.2.15: Sổ Nhật ký chung

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	ST T dòng	Số hiệ u TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
							
12/12/ 14	GBN 03/12	12/12	Mua CCDC trả bằng TGNH	✓		153	38.600.000	
			Thuế GTGT được khấu trừ	✓		133	3.860.000	
			Trả tiền mua CCDC	✓		112		42.460.000
							
05/12/ 14	P XK – 15/12	20/12	Xuất CCDC phục vụ cho sản xuất sản phẩm	✓		242	38.600.000	
				✓		153		38.600.000
05/12/ 14	P XK – 15/12	20/12	Phân bổ CCDC xuất dùng	✓		627	10.080.000	
				✓		242		10.080.000
							
			Cộng tổng số phát sinh				25,605,689,395	25,605,689,395

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Biểu số 2.20: Sổ cái TK 152

Chi nhánh công ty cổ phần XNK Quảng Bình

Sổ Cái

Mẫu số: S03b – DN

Nhà máy sản xuất NPK

Năm 2015

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ – BTC)

Xóm 6 – Cống Chanh – Xã Đông Sơn – TN - HP

Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

Tên TK: Công cụ dụng cụ;

Số hiệu: 153

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				<u>67.990.000</u>	
			Số phát sinh trong kỳ					
							
12/12/14	HĐ 000102	12/12	Mua CCDC nhập kho	22		112	38.600.000	
13/12/14	HĐ 000818	13/12	Mua máy nghiền nhập kho trả bằng tiền mặt	22		111	14.040.000	
20/12/14	PXK – 25/12	20/12	Xuất CCDC cho sản xuất ở xưởng số 1	23		242		38.600.000
							
25/12/14	PXK – 29/12	25/12	Xuất CCDC phục vụ sản xuất ở xưởng số 3	24		242		41.110.340
			Cộng số phát sinh				318.884.250	254.898.000
			Số dư cuối kỳ				131.976.250	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3:

MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NVL VÀ CCDC TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH - NHÀ MÁY SẢN XUẤT NPK.

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán NVL, CCDC tại công ty cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình - Nhà máy sản xuất NPK.

3.1.1. Những ưu điểm và kết quả đạt được.

Về bộ máy quản lý: Nhận thức được tầm quan trọng của việc tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm nhà máy đã tăng cường công tác quản lý sản xuất mà trước hết là quản lý chi phí nguyên vật liệu trong đó vai trò của kế toán được thực sự coi trọng và phát huy, do vậy bộ máy kế toán của nhà máy được tổ chức khoa học và độc lập, chức năng và nhiệm vụ của từng người được phân công rõ ràng, đảm bảo quá trình cung cấp thông tin tài chính được nhanh chóng và kịp thời, giúp cho các nhà quản trị ra các quyết định kịp thời và nhanh chóng nhất.

Về hình thức kế toán: Nhà máy đã chấp hành nghiêm chỉnh chế độ kế toán mới, áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung theo hệ thống tài khoản thống nhất hiện hành, áp dụng phương pháp ghi thẻ song song để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, phù hợp với đặc điểm nguyên vật liệu của nhà máy hiện nay.

Về công tác quản lý NVL – CCDC: Nhà máy xây dựng hệ thống kho phù hợp với việc phân loại nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ; Việc phân chia thành các kho cụ thể giúp cho kế toán thuận tiện hơn trong quá trình hạch toán từ đó cung cấp đầy đủ thông tin cho ban lãnh đạo nhà máy.

Về kế toán chi tiết NVL – CCDC:

- Nguyên vật liệu được sử dụng theo nhiều mức, quản lý sản xuất dựa trên định mức tiêu hao và phòng kế toán thông qua việc xây dựng định mức nguyên vật liệu sẽ tiết kiệm vật liệu khá lớn, đem lại doanh thu cao cho công ty. Các thủ tục nhập, xuất kho được quy định chặt chẽ, việc ghi thẻ kho của thủ kho được kiểm tra thường xuyên vào cuối tháng đều có đối chiếu số liệu của kế toán nhằm đảm bảo quản lý nguyên vật liệu cả về số lượng và giá trị.

- Giá NVL – CCDC nhập kho được xác định theo giá thực tế nhập kho, giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân liên hoàn, tuân thủ theo quy tắc và chế độ kế toán hiện hành.

- Công tác phân loại nguyên vật liệu tốt có tính khoa học cao, để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu công ty sử dụng phương pháp ghi thẻ song song, phương pháp này có tính phù hợp trong điều kiện công ty có nhiều chủng loại nguyên vật liệu biến động thường xuyên.

Về hạch toán tổng hợp NVL – CCDC: Công tác kế toán tổng hợp nguyên vật liệu được thực hiện theo phương pháp kê khai thường xuyên phù hợp với đặc điểm quy mô của công ty. Phương pháp này phù hợp với tình hình biến động rất thường xuyên của vật liệu giúp việc hạch toán và quản lý nguyên vật liệu, phục vụ cho việc tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm một cách khoa học.

Mặc dù các thành tích đạt được về công tác kế toán là rất đáng ghi nhận, phản ánh sự cố gắng của bộ máy kế toán công ty, tuy nhiên bên cạnh các thành tích đạt được công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty vẫn còn tồn tại một số những hạn chế, thiếu sót nhất định.

3.1.2. Những khó khăn tồn tại.

Một là: Về việc luân chuyển chứng từ. Việc luân chuyển chứng từ giữa phòng kinh doanh, phòng kế toán và thủ kho diễn ra thường xuyên tuy nhiên các bộ phận phòng ban này không có biên bản giao nhận chứng từ nên rất dễ xảy ra tình trạng mất mát chứng từ. Khi xảy ra mất mát không được quy trách nhiệm cho ai. Dẫn đến tình trạng thiếu trách nhiệm, buông lỏng việc quản lý chứng từ. Hơn nữa, việc tập hợp luân chuyển chứng từ không có quy định cụ thể về thời gian giao nộp chứng từ nên tình trạng chứng từ bị chậm trễ trong quá trình đưa lên phòng Tài chính – Kế toán.

Hai là: Xây dựng sổ danh điểm vật liệu xuất phát từ yêu cầu sản xuất sản phẩm của nhà máy nhiều loại, chủng loại nguyên vật liệu...cho sản xuất sản phẩm nên số lượng và chủng loại nguyên vật liệu của công ty là rất lớn, mà công ty chỉ tiến hành phân loại nguyên vật liệu mà không tiến hành xây dựng “sổ danh điểm vật liệu”, do đó việc quản lý chi tiết với từng nguyên vật liệu sẽ không chặt chẽ, mất thời gian trong việc đối chiếu số liệu giữa thủ kho và phòng kế toán.

Ba là: Về ứng dụng máy vi tính trong công tác kế toán: Hiện nay, chi nhánh công ty cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình – Nhà máy sản xuất NPK đã

áp dụng máy vi tính vào công tác kế toán. Tuy nhiên việc áp dụng này mới chỉ ở chỗ áp dụng MISA để xây dựng thành phần kế toán nhập nguyên vật liệu và kế toán xuất nguyên vật liệu, còn phân hệ tính giá thành thì chưa được nhà sản xuất chú ý phát triển. Do vậy việc tính toán tại nhà máy mất rất nhiều thời gian, hơn nữa lại chưa khai thác được hết tính năng ưu việt của máy vi tính. Do vậy nhà máy cần nghiên cứu đưa các thành phần kế toán khác có tính ưu việt hơn vào trong công tác kế toán đảm bảo các thông tin kế toán được cung cấp nhanh chóng kịp thời và hiệu quả.

3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại nhà máy sản xuất NPK.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán tại nhà máy sản xuất NPK.

Với mong muốn đóng góp một phần nhỏ bé công sức của mình vào việc hoàn thiện công tác kế toán, làm cho kế toán thực sự trở thành công cụ quản lý kinh tế có hiệu quả, cung cấp thông tin kế toán, tài chính một cách kịp thời giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp đưa ra những quyết định chính xác, góp phần thúc đẩy sự nghiệp phát triển của nhà máy.

3.2.2. Yêu cầu và nội dung hoàn thiện công tác kế toán NVL, CCDC tại nhà máy sản xuất NPK.

Việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán vật tư nói riêng muốn đạt được tính khả thi cao thì cần đáp ứng các yêu cầu sau:

- Một là: Việc hoàn thiện công tác kế toán NVL – CCDC phải phù hợp với chế độ kế toán.
- Hai là: Phải tính đến xu thế của nó trong tương lai. Việc hoàn thiện dựa trên chế độ kế toán hiện hành và phù hợp với chuẩn mực quốc tế.
- Ba là: Việc hoàn thiện công tác này góp phần tạo điều kiện cho công tác kiểm tra kế toán dễ dàng hơn. Giúp cho những người quan tâm đến nhà máy hiểu hơn về thực tế tình hình tài chính của nhà máy.
- Bốn là: Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí, vì mục đích của nhà máy là kinh doanh có lãi và đem lại hiệu quả cao.
- Năm là: Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh của nhà máy, đặc điểm tổ chức của nhà máy.

3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán NVL, CCDC tại nhà máy sản xuất NPK.

3.2.3.1. Hoàn thiện việc lập sổ danh điểm vật liệu.

Như đã trình bày ở mục hạn chế để thuận tiện cho công tác quản lý nguyên vật liệu, công ty nên xây dựng “sổ danh điểm vật liệu” để thống nhất tên gọi, ký hiệu và đơn vị tính. Sổ danh điểm vật liệu tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm được thời gian quản lý, ghi sổ kế toán và số lượng từng nguyên vật liệu, dễ dàng đối chiếu giữa thủ kho và phòng kế toán.

Sổ danh điểm vật liệu là sổ danh mục tập hợp toàn bộ các loại nguyên vật liệu đã và đang được sử dụng, được theo dõi cho từng loại, từng nhóm, quy cách vật liệu một cách chặt chẽ, logic. Hệ thống các danh điểm vật liệu có thể được xác định bằng nhiều cách khác nhau nhưng phải đảm bảo đơn giản, dễ nhớ, không trùng lặp. Mỗi loại, mỗi nhóm vật liệu được quy định một mã riêng được sắp xếp một cách trật tự, thuận tiện cho việc tìm kiếm khi cần thiết. Hiện nay, nhà máy chưa có hệ thống mã hóa khoa học cho từng loại nguyên vật liệu. Việc không lập sổ danh điểm vật tư sẽ gây khó khăn cho công tác quản lý nguyên vật liệu. Việc quản lý nguyên vật liệu có thể sẽ có nhầm lẫn; thiếu thống nhất và rất khó có thể phân biệt các nhóm, loại vật liệu.

Để lập sổ danh điểm nguyên vật liệu, điều quan trọng nhất là phải xây dựng được bộ mã nguyên vật liệu chính xác, đầy đủ, không trùng lặp, có dự trữ để bổ sung những mã chưa có. Nhà máy có thể xây dựng bộ mã dựa trên số nhóm vật liệu; số loại vật liệu trong mỗi nhóm; số thứ tự vật liệu trong mỗi nhóm; mỗi loại.

Để lập sổ danh điểm vật tư nhà máy cần thực hiện những nguyên tắc sau:

-Mã hóa vật tư theo cách phân loại ban đầu, xây dựng hệ thống mã phân cấp, mã gồm nhiều trường trong đó trường tận cùng bên trái mang đặc trưng chủ yếu nhất của loại vật liệu ấy.

Đối với nguyên vật liệu chính ta quy ước là 1521.

Đối với nhóm nguyên vật liệu phụ ta quy ước là 1522.

Đối với nhóm nhiên liệu chính ta quy ước là 1523.

Đối với nhóm phụ từng thay thế ta quy ước là 1524.

Đối với nhóm phế liệu ta quy ước là 1525.

-Khi cần thiết ta kéo dài mã về bên phải. Ví dụ nguyên vật liệu chính có khoảng 04 loại ta thêm 02 chữ số mã hóa bên phải đằng sau mã của chủng loại cho đến hết 04 loại. Ví dụ: 1521.01, 1521.02,

Công ty nên sử dụng sổ danh điểm vật liệu như sau:

Biểu 3.1: Sổ danh điểm vật tư.

Mã vật tư		Danh điểm vật liệu	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư	Đơn vị tính	Ghi chú
Nhóm	Loại				
1521			Nguyên vật liệu chính	Tấn	
	1521.01		NPK	Tấn	
		1521.01.01	Đạm (N)	Tấn	
				
1522	1522.01		Nguyên vật liệu phụ	Tấn	
		1522.01.01	Molipden (Mo)	Tấn	
		1522.01.02	Chất Bo (B)	Tấn	
				

3.2.3.2. Về công tác luân chuyển chứng từ.

Nhà máy nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao và nhận chứng từ phải ký nhận vào sổ giao nhận chứng từ. Nếu xảy ra tình trạng mất chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý. Việc làm này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của nhà máy, hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ công nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

Biểu 3.2: Sổ giao nhận chứng từ.

STT	Chứng từ	Nội dung trên	Số tiền trên	Ký tên
-----	----------	---------------	--------------	--------

	Số hiệu	Ngày Tháng	chứng từ	chứng từ	Người giao	Người nhận

3.2.3.3. Về việc lập sổ cái tài khoản 152.

Xuất phát từ đặc điểm sản xuất sản phẩm của công ty là đa dạng, nhiều chủng loại sản phẩm do vậy các chủng loại nguyên vật liệu của công ty là rất nhiều.

Do đó việc lập sổ cái TK152 cần phản ánh như sau:

- Phát sinh nợ: Căn cứ vào các phiếu nhập kho và các chứng từ khác liên quan nếu có.
- Phát sinh có: Lấy từ tổng cộng mục (A + B) trên cột ghi Có TK152 của nhật ký chứng từ số 7 phần I.
- Đầu năm là dư cuối năm của năm trước
- Đầu tháng được tính bằng dư đầu tháng cộng phát sinh nợ trừ tổng phát sinh có.

Cách lập sổ cái TK152 như trên (sử dụng thêm nhật ký chứng từ số 7) giúp giảm bớt công việc của kế toán tổng hợp đồng thời không gây nhầm lẫn trong quá trình tập hợp phát sinh nợ của TK152

3.2.3.4. Về một số giải pháp khác.

Để nâng cao hiệu quả trong quá trình sản xuất kinh doanh ngoài việc tìm kiếm và mở rộng thị trường nhà máy cũng phải quan tâm đến các vấn đề nhân sự:

- Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ công nhân viên đặc biệt là trình độ tin học và các chuẩn mực kế toán mới.
- Thường xuyên kiểm tra sổ sách, đối chiếu sai sót để khắc phục kịp thời.

- Phát huy, tận dụng hết khả năng sử dụng máy vi tính mà nhà máy trang bị nhằm tổng hợp số liệu khoa học, rõ ràng.
- Tăng cường theo dõi, kiểm tra cán bộ công nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình thông qua việc theo dõi bảng chấm công của từng phòng ban.
- Tổ chức giờ làm việc một cách khoa học, ổn định công tác phân công nhiệm vụ cụ thể nhằm chuyên môn hóa công tác kế toán, tăng hiệu quả công việc.
- Có chính sách khen thưởng với các cá nhân có thành tích xuất sắc trong công việc.
- Có chế độ thưởng, phạt rõ ràng để khuyến khích tinh thần làm việc.

KẾT LUẬN

Một trong những yếu tố quan trọng, đặc biệt đối với doanh nghiệp sản xuất như Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình là nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ. Tổ chức hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tốt sẽ cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho các nhà quản lý và các thành phần hành kế toán khác trong doanh nghiệp để từ đó có thể đưa ra những quyết định quản lý kinh doanh có hiệu quả.

Qua quá trình thực tập tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình - Nhà máy sản xuất NPK em đã chọn đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình - Nhà máy sản xuất NPK” làm khóa luận tốt nghiệp và đã đạt được một số vấn đề như sau:

1. Về lý luận: Đã nêu ra một cách có hệ thống những vấn đề cơ bản về nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và việc hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp.
2. Về thực tiễn:
 - Phản ánh thực tế công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ của Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình - Nhà máy sản xuất NPK qua số liệu năm 2015.
 - Đánh giá những ưu, nhược điểm của công ty trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nói riêng.
 - Đề xuất một số ý kiến nhằm góp phần hoàn thiện công tác kế toán cũng như công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty.

Do thời gian và kiến thức bản thân còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi sai sót. Em rất mong nhận được sự giúp đỡ, chỉ bảo của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ tận tình của Thạc sỹ Hòa Thị Thanh Hương, các thầy cô giáo Trường Đại học Dân lập Hải Phòng, Ban lãnh đạo cùng các cán bộ kế toán tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình - Nhà máy sản xuất NPK.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Quyển I: Hệ thống tài khoản kế toán.

Quyển II: Báo cáo tài chính; Chứng từ và sổ kế toán; Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nhà xuất bản kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

Năm xuất bản: 2015

2. Các sổ sách chứng từ của Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình - Nhà máy sản xuất NPK.
3. Hệ thống khóa luận các khóa trước của Trường Đại học Dân lập Hải Phòng.